

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐÀ NẴNG

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH – PCI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2025**

ĐÀ NẴNG, THÁNG 8 NĂM 2026

MỞ ĐẦU	4
I. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) NĂM 2025.....	6
1.1. Về chỉ số PCI 2.0 năm 2025	6
1.2 Kết quả chung về chỉ số PCI 2025 toàn quốc.....	9
II. KẾT QUẢ PCI 2025 CỦA ĐÀ NẴNG	23
2.1. Đặc điểm mẫu khảo sát PCI 2025 tại thành phố Đà Nẵng	23
2.2. Kết quả phân tích PCI 2025 của Đà Nẵng.....	28
2.2.1 <i>Chỉ số Gia nhập thị trường:</i>	30
2.2.2 <i>Chỉ số Tiếp cận nguồn lực</i>	33
2.2.3 <i>Chỉ số Tính minh bạch</i>	35
2.2.4 <i>Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính</i>	37
2.2.5 <i>Chỉ số chi phí không chính thức</i>	40
2.2.6 <i>Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng</i>	42
2.2.7 <i>Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp và lao động</i>	44
2.2.8 <i>Chỉ số Thiết chế pháp lý</i>	47
2.2.9 <i>Chỉ số Chính quyền kiến tạo</i>	49
2.3 Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân – BPI của Đà Nẵng	51
2.4 Đánh giá chung	53
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRONG NĂM 2025.....	54
3.1 Kết quả đạt được	54
3.1.1 <i>Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường</i>	54
3.1.2 <i>Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</i>	55
3.1.3. <i>Chỉ số Chi phí thời gian để thực hiện các quy định Nhà nước</i>	56
3.1.4. <i>Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng</i>	57
3.1.5. <i>Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự</i>	58
3.1.6. <i>Chỉ số Chi phí không chính thức</i>	59
3.1.7. <i>Chỉ số Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo thành phố</i>	59
3.1.8. <i>Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</i>	60
3.1.9. <i>Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất</i>	60
3.2 Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân	61
IV. GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI, MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG THỜI GIAN TỚI	62
4.1 Gia nhập thị trường	62
4.2 Tiếp cận nguồn lực.....	63
4.3 Tính minh bạch	65
4.4 Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.....	66
4.5 Chi phí không chính thức.....	66
4.6 Cạnh tranh bình đẳng.....	67
4.7 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	68
4.8 Thiết chế pháp lý.....	69

4.9 Chính quyền kiến tạo	70
KẾT LUẬN	72

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở xây dựng nhiệm vụ

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

- Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026;

- Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 8/8/2025 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP của Chính phủ và ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04-5-2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17-5-2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND thành phố về nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước và Chủ đề năm 2026 “Năm phát huy hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, các cơ chế, chính sách đặc thù, đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội”.

- Công văn số 3860/UBND-STC ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tiếp tục cải thiện chỉ số PCI và PGI.

2. Mục tiêu của nhiệm vụ

Dựa trên bộ dữ liệu kết quả khảo sát đánh giá PCI 2025 và Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Báo cáo Phân tích, đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố Đà Nẵng năm 2025 sẽ phân tích kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế của từng chỉ số thành phần thuộc PCI 2025 đối với thành phố Đà Nẵng. Qua đó, làm rõ nguyên nhân của vấn đề còn tồn tại, hạn chế để từ đó có những giải pháp phù hợp nhằm cải thiện các chỉ số thành phần của PCI Đà Nẵng, hướng đến

cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn thành phố trong những năm đến.

3. Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kết quả PCI Đà Nẵng năm 2025.

Phạm vi nghiên cứu: Kết quả PCI Đà Nẵng năm 2025.

Phương pháp nghiên cứu: Phân tích tổng hợp, thống kê mô tả, chuyên gia.

Dữ liệu được sử dụng trong báo cáo để thống kê, phân tích, so sánh thuộc dữ liệu PCI 2025 công bố bởi của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam qua website <https://pcivietnam.vn/report-2025> và dữ liệu Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025 tại thành phố Đà Nẵng của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

I. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) NĂM 2025

1.1. Về chỉ số PCI 2.0 năm 2025

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), sau 21 năm triển khai, được VCCI công bố tại Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, trong đó lần đầu tiên xuất hiện PCI phiên bản 2.0 và chỉ số Hiệu quả kinh tế tư nhân - BPI.

PCI 2.0 là phiên bản nâng cấp toàn diện của Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về phương pháp luận, chuyển từ đánh giá môi trường kinh doanh với nghĩa hẹp gắn với chất lượng điều hành cấp tỉnh sang đánh giá với khung khái niệm mở rộng hơn, giữ cốt lõi về chất lượng điều hành cấp tỉnh và bổ sung các chỉ tiêu đánh giá về hệ sinh thái phát triển kinh tế tư nhân. Sự nâng cấp này là tất yếu trong bối cảnh không gian hành chính mới với 34 tỉnh, thành phố sau sáp nhập, yêu cầu vận hành hệ thống chính quyền địa phương hai cấp và loạt các thay đổi về thể chế, chính sách của trung ương nhằm thúc đẩy khu vực tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế.

Ý kiến của doanh nghiệp FDI và hộ kinh doanh được thu thập, phân tích riêng trong Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam năm 2025, không được sử dụng để đánh giá kết quả chỉ số PCI của 34 tỉnh, thành phố

PCI 2025 tiếp tục duy trì mục tiêu đo lường chất lượng quản trị và điều hành kinh tế cấp tỉnh dựa trên trải nghiệm thực tiễn của doanh nghiệp tư nhân. PCI 2025 được báo cáo trên cơ sở kết quả khảo sát các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước, kết hợp một số dữ liệu thống kê hành chính. Chỉ số PCI 2.0 năm 2025 có khung chỉ tiêu được rà soát kỹ lưỡng nhằm loại bỏ các biến số không còn phù hợp, và tích hợp các thước đo mới nhằm phản ánh những thách thức quản trị địa phương mang tính thời sự, tái cấu trúc các chỉ số thành phần và hiệu chỉnh hệ thống trọng số.

Bảng 1: Thay đổi về phương pháp nghiên cứu của PCI 2.0 năm 2025 so với PCI 2024

Nội dung	PCI 2021- 2024	PCI 2025	Thay đổi chính
Phạm vi đo lường	Chất lượng môi trường kinh doanh và điều hành kinh tế cấp tỉnh	Hệ sinh thái phát triển kinh tế tư nhân, bao gồm thể chế, năng lực thực thi và triển vọng phát triển dài hạn	Phạm vi đánh giá rộng hơn, chú trọng vai trò kiến tạo và kết quả phát triển khu vực tư nhân
Số chỉ số thành phần	10 chỉ số thành phần	9 chỉ số thành phần	Tinh gọn và tái cấu trúc hệ thống chỉ số
Số chỉ tiêu tính điểm	142 chỉ tiêu	98 chỉ tiêu	Giảm 44 chỉ tiêu, loại bỏ hoặc điều chỉnh những chỉ tiêu không

			còn phù hợp
Phương pháp trọng số	Sử dụng hệ thống trọng số được hiệu chỉnh từ chu kỳ 2021–2024, với ba mức 5%, 10% và 15%	Dùng phân tích nhân tố và hồi quy trên dữ liệu cấp doanh nghiệp để xác định ảnh hưởng của điều hành đến quyết định đầu tư, mở rộng và đổi mới sáng tạo, điều chỉnh trọng số của các chỉ số thành phần	Chuyển sang hiệu chỉnh trọng số bằng dữ liệu vi mô vì mẫu cấp tỉnh giảm từ 63 xuống 34 đơn vị
Cách công bố kết quả	Xếp hạng đơn bậc; công bố điểm số và thứ hạng từng địa phương, nổi bật là Top 30	Không công bố thứ hạng từ 1 đến 34 và không công khai điểm PCI tổng hợp của từng địa phương; phân loại thành sáu nhóm chất lượng	Chuyển từ “bảng xếp hạng” sang “công cụ chẩn đoán và thể điểm”

Nguồn: Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam năm 2025, VCCI

Các chỉ số thành phần của PCI 2024 (và Chỉ số tăng trưởng xanh PGI) được tái cấu trúc trở thành 9 chỉ số thành phần và 98 chỉ tiêu thành phần; cụ thể tại Hình 1.

Hình 1: Chín chỉ số thành phần PCI 2025



Nguồn: Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam năm 2025, VCCI

Theo đó, các chỉ số thành phần cũ là Tiếp cận đất đai được tích hợp với Chỉ số Tiếp cận nguồn lực. Chỉ số Chi phí thời gian được chuyển đổi thành Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính với phạm vi đánh giá rộng hơn. Tính năng động của

chính quyền tỉnh/thành phố được đổi tên thành Chính quyền kiến tạo. Đào tạo lao động được tích hợp vào chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và lao động.

Mức độ tương thức giữa PCI năm 2025 và năm 2024 cao ở một số chỉ số thành phần như: Gia nhập thị trường có hầu hết các chỉ tiêu được giữ lại từ PCI 2024 sang PCI 2025 như: Số ngày hoàn thành đăng ký doanh nghiệp; Tỷ lệ phải sửa đổi hồ sơ từ hai lần trở lên; Mức độ rõ ràng của hướng dẫn đăng ký; Hướng dẫn, quy trình, thời gian và chi phí cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện; Tỷ lệ phải chờ trên một tháng để chính thức hoạt động; Trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch do khó khăn về đăng ký và cấp phép.

Cạnh tranh bình đẳng vẫn giữ những chỉ tiêu đánh giá về sự Ưu tiên cho doanh nghiệp lớn hơn DNNVV; Đặc quyền về đất đai; Đặc quyền về thủ tục hành chính; Đặc quyền về tiếp cận thông tin; Đặc quyền về miễn, giảm thuế; Khả năng nhận hợp đồng từ cơ quan nhà nước; Nguồn lực rơi vào doanh nghiệp có quan hệ với cán bộ; Ưu đãi cho doanh nghiệp lớn gây khó khăn cho doanh nghiệp khác.

Chỉ số thành phần Chính quyền kiến tạo (chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh trong PCI 2024) thể hiện ở đánh giá về thái độ tích cực với khu vực tư nhân; sự linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; Năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; Chính sách ổn định và nhất quán; Thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; Tháo gỡ khó khăn qua đối thoại.

Theo phương pháp luận mới, mức trọng số cao nhất (15%) được phân bổ cho ba chỉ số thành phần có ảnh hưởng nhiều nhất đến động lực đầu tư và đổi mới sáng tạo theo đánh giá từ phương pháp phân tích định lượng: *Tính minh bạch*, *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp*, và *Chính quyền kiến tạo*. Ngưỡng trọng số trung bình (10%) được áp dụng cho năm chỉ số: *Tiếp cận nguồn lực*, *Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính*, *Chi phí không chính thức*, *Cạnh tranh bình đẳng*, và *Thiết chế pháp lý*. Chỉ số thành phần *Gia nhập thị trường* có mức trọng số thấp nhất (5%) trong chín chỉ số thành phần.

Về dữ liệu và phương pháp, Báo cáo kết hợp phân tích vĩ mô, tổng quan tài liệu và dữ liệu khảo sát sơ cấp. Trọng tâm là dữ liệu doanh nghiệp từ khảo sát PCI 2.0 năm 2025 (bao gồm doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp FDI) cùng dữ liệu khảo sát hộ/cá nhân kinh doanh do VCCI triển khai. Cách tiếp cận này cho phép đối chiếu đồng thời giữa cảm nhận/kinh nghiệm thực thi chính sách ở cấp địa phương với các chỉ báo về “điểm nghẽn” thị trường và nguồn lực trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

PCI 2025 thu được 3.546 phản hồi hợp lệ của doanh nghiệp tư nhân trong nước, trải rộng trên 34 tỉnh, thành phố. Một thay đổi ở đánh giá PCI 2025 toàn

quốc nữa là VCCI công bố kết quả PCI năm 2025 và xếp hạng các tỉnh, thành theo 6 nhóm chất lượng điều hành: Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình, Tương đối thấp và Thấp, không còn xếp hạng theo thứ tự dựa trên điểm số tổng hợp PCI như các năm trước. Lý do là: Sau sáp nhập, các địa phương xuất phát từ những điều kiện rất khác nhau, trong đó một số tỉnh được hợp nhất từ hai hoặc ba địa phương cũ có quy mô dân số, diện tích, khối lượng công việc và mức độ phức tạp trong tổ chức bộ máy lớn hơn nhiều so với các tỉnh không sáp nhập. Sự chênh lệch về điều kiện vận hành này khiến sự xếp hạng đơn bậc kết quả PCI của 34 tỉnh, thành sau sáp nhập thiếu công bằng và không phản ánh đúng thực chất nỗ lực điều hành của từng địa phương trong giai đoạn chuyển tiếp.

Ngoài ra, Báo cáo Kinh tế Tư nhân Việt Nam 2025 hoàn thiện đánh giá về môi trường kinh doanh năm 2025 dưới góc nhìn doanh nghiệp và cả hộ kinh doanh. Trong khảo sát doanh nghiệp thường niên, bên cạnh đối tượng doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, dự án PCI cũng thu thập ý kiến từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang hoạt động tại Việt Nam. Dù dữ liệu thu thập từ các doanh nghiệp FDI không dùng để tính toán điểm số PCI tổng hợp, dữ liệu này được đánh giá hữu ích trong cung cấp thêm góc nhìn và tiếng nói của nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để phục vụ phân tích chung về môi trường kinh doanh toàn quốc. Năm nay, Báo cáo Kinh tế Tư nhân Việt Nam 2025 thu thập được phản hồi của 586 doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại 26 địa phương. Đối với hộ kinh doanh, VCCI thực hiện khảo sát riêng từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2026 và thu thập được ý kiến phản hồi từ 1.001 hộ kinh doanh đang hoạt động tại 34 tỉnh, thành phố. Tương tự khảo sát riêng doanh nghiệp FDI, kết quả khảo sát hộ kinh doanh không được sử dụng để tính điểm PCI, cung cấp thêm góc nhìn về môi trường kinh doanh toàn quốc năm 2025.

1.2 Kết quả chung về chỉ số PCI 2025 toàn quốc

1.2.1 Một số nhận định về môi trường kinh doanh chung năm 2025

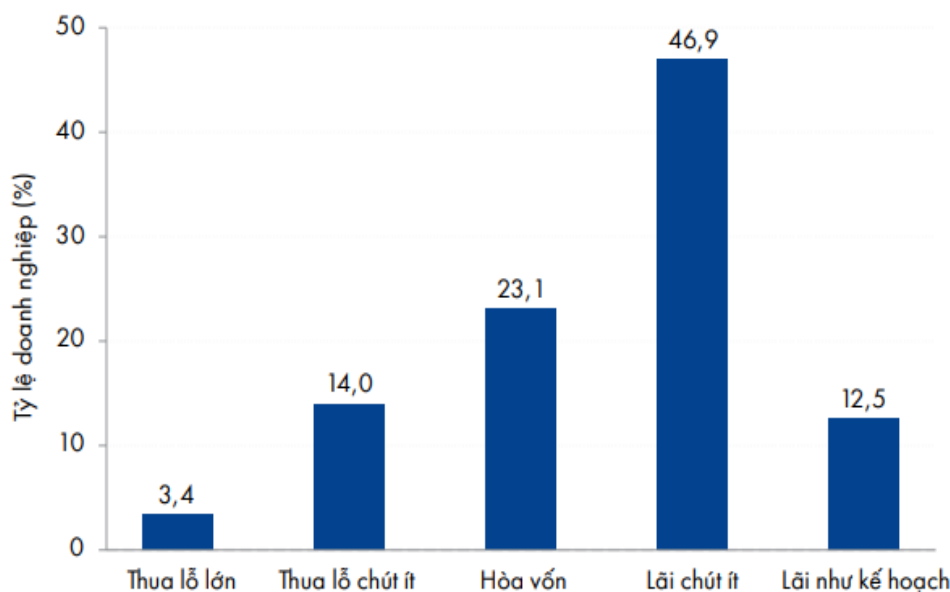
a) Góc nhìn của doanh nghiệp

Kết quả khảo sát PCI 2025 cho thấy doanh nghiệp vẫn đang hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều thách thức, đặc biệt liên quan đến điều kiện thị trường và khả năng tiếp cận các nguồn lực thiết yếu như nguồn vốn, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, hay tính minh bạch của môi trường chính sách, dẫn đến chi phí tuân thủ pháp luật...

Theo số liệu khảo sát PCI, bức tranh tổng thể về tình hình kinh doanh năm 2025 cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động, nhưng với mức độ lợi nhuận hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp dự báo có lãi, song chủ yếu ở mức lãi thấp. Cụ thể, 46,9% doanh nghiệp cho biết sẽ “lãi chút ít”, trong khi chỉ 12,5% kỳ vọng

đạt mức “lãi như kế hoạch”. Ngược lại, 17,4% doanh nghiệp dự kiến thua lỗ, bao gồm 3,4% lỗ lớn và 14,0% lỗ nhẹ.

Hình 2: Dự đoán tình hình kinh doanh của doanh nghiệp năm 2025



Nguồn: Khảo sát PCI 2025. Câu hỏi A7 “Dự đoán tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong năm nay?”

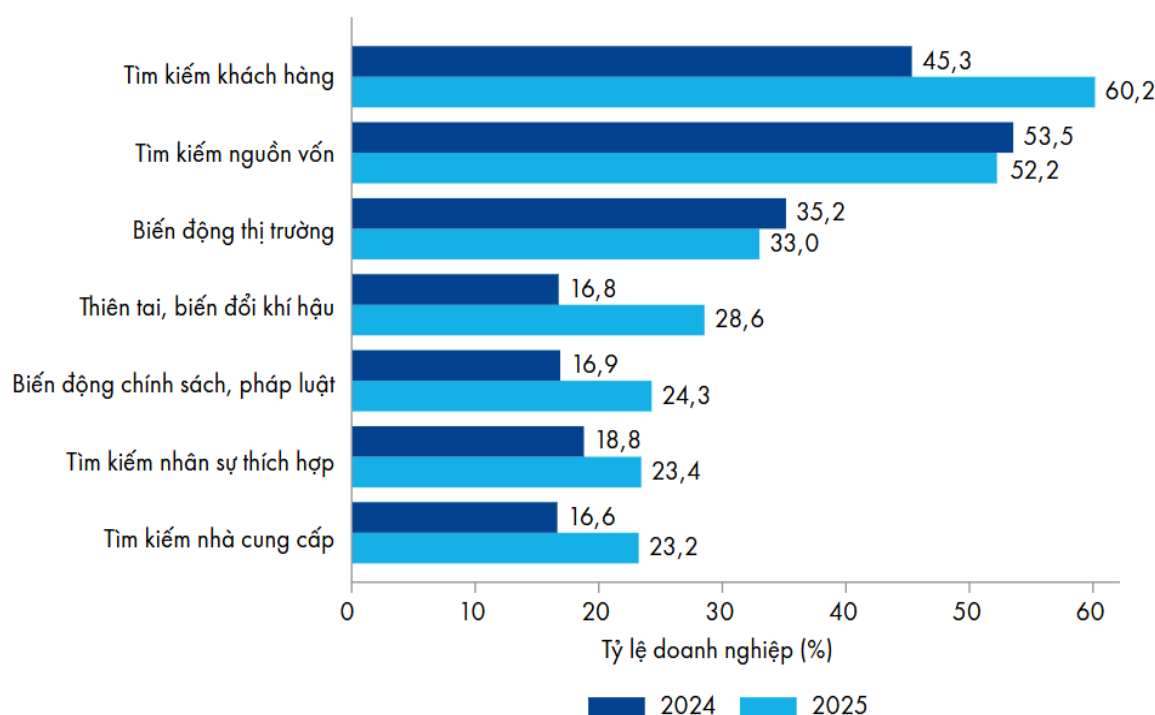
Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Qua khảo sát, doanh nghiệp cho biết trong năm 2025, khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng của doanh nghiệp song hành với bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế nhiều biến động.

Hình 2 thể hiện các khó khăn thách thức lớn nhất của doanh nghiệp trong năm 2025. So với năm trước, cơ cấu khó khăn đã có sự dịch chuyển theo hướng gia tăng áp lực từ phía thị trường đầu ra, mức độ khó khăn trong tìm kiếm khách hàng của doanh nghiệp đã tăng lên mức rất cao trong năm 2025. Đây là mức cao nhất trong toàn bộ giai đoạn và tương đương giai đoạn khó khăn nhất trước đó là thời điểm đại dịch COVID năm 2021.

Khó khăn trong tìm kiếm khách hàng tăng mạnh từ 45,3% lên 60,2%, trở thành vấn đề nổi bật nhất. Khó khăn về tiếp cận vốn vẫn duy trì ở mức cao (trên 50%) là khó khăn lớn thứ hai. Khó khăn do biến động thị trường tiếp tục khó khăn lớn thứ 3, mặc giảm nhẹ (từ 35,2% xuống 33,0%). Đáng chú ý, các khó khăn liên quan đến chính sách, pháp luật đều có tỷ lệ doanh nghiệp trả lời tăng lên rõ rệt, từ khoảng 16,9% lên 24,3%.

Hình 3: Nhóm top các khó khăn doanh nghiệp đang gặp phải qua khảo sát PCI, 2024 - 2025

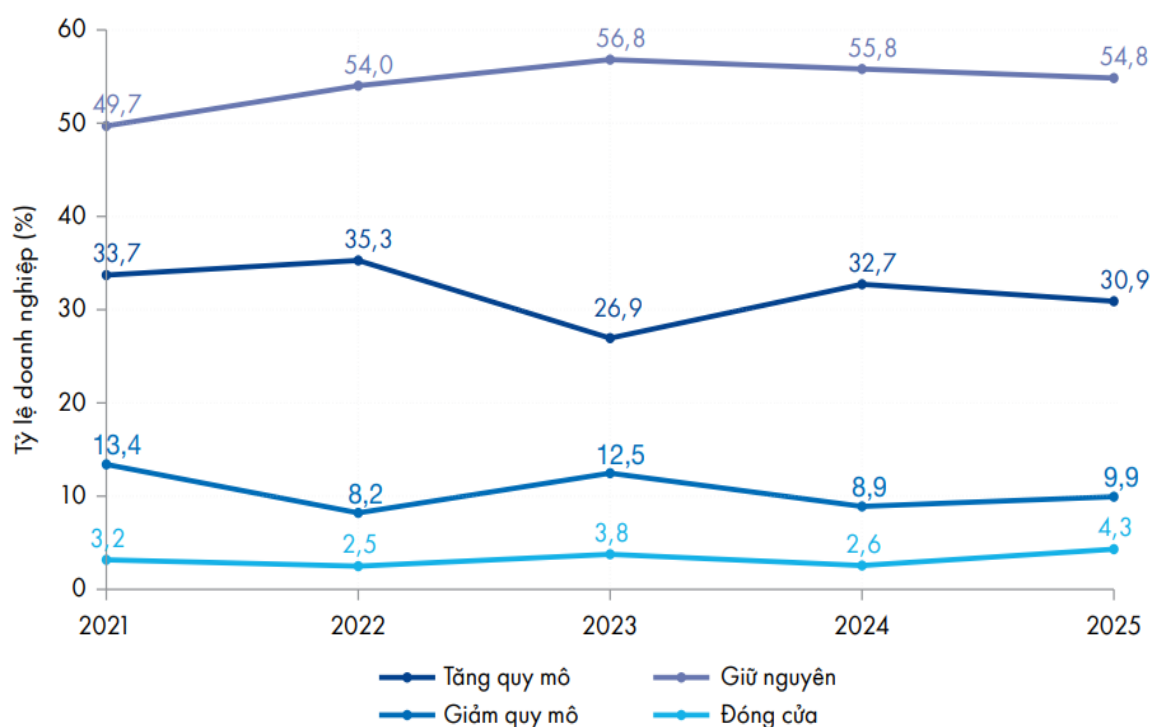


Nguồn: Khảo sát PCI 2024. Câu hỏi C10 “Trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, doanh nghiệp bạn đang gặp những khó khăn nào dưới đây?”. Khảo sát PCI 2025. Câu hỏi E1 “Trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, doanh nghiệp bạn đang gặp những khó khăn nào dưới đây?”

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Từ đó, các phản ứng của doanh nghiệp đa số cho thấy sự thận trọng. Đa số doanh nghiệp tư nhân trong nước (54,8% trong năm 2025) dự kiến giữ nguyên quy mô hoạt động, và xu hướng này duy trì trong suốt giai đoạn 2021–2025, cho thấy tâm lý ưu tiên ổn định hơn là mở rộng trong bối cảnh nhiều bất định. Trong khi đó, cũng có 30,9% doanh nghiệp khảo sát cho biết kế hoạch gia tăng quy mô hoạt động kinh doanh, tỷ lệ này có giảm nhẹ so với 32,7% trong PCI 2024. Tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô hoặc đóng cửa cũng tăng so với năm 2024, cụ thể là 14,25% so với 11,5%.

Hình 4: Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm tới



Nguồn: Khảo sát PCI 2021-2025. Câu hỏi A8, A10 “Nhận định nào dưới đây phù hợp với kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp bạn trong 2 năm tới?”

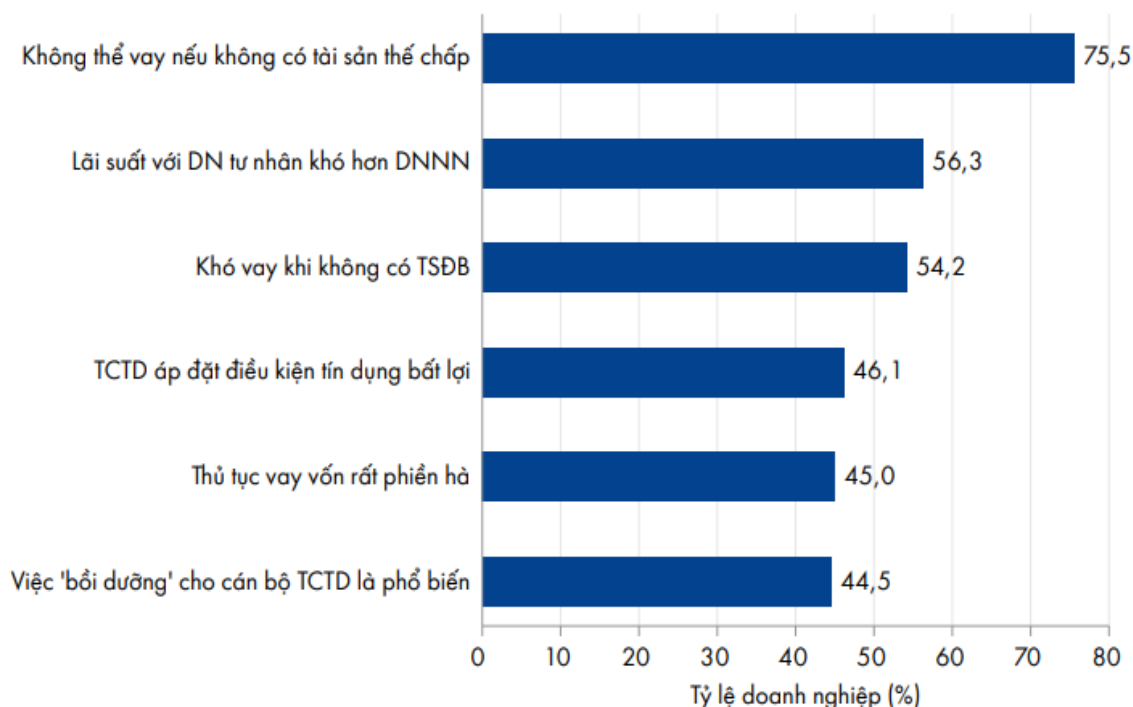
Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Tiếp cận vốn là một trong những nút thắt then chốt đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Trong năm 2025, nghiên cứu PCI đã cho thấy tiếp cận vốn tiếp tục là một trong những rào cản lớn nhất đối với doanh nghiệp, với nhiều trở ngại mang tính cấu trúc hơn là ngắn hạn. Mức độ tiếp cận tín dụng chính thức phụ thuộc nặng vào tài sản, hạn chế khả năng tiếp cận vốn của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cụ thể, về yêu cầu về tài sản thế chấp: 75,5% doanh nghiệp cho biết không thể vay vốn nếu không có tài sản đảm bảo, và 54,2% cho rằng việc vay vốn khi không có tài sản thế chấp là rất khó khăn. Thực trạng này cho thấy khoảng cách đáng kể so với định hướng của Nghị quyết 68-NQ/TW về chuyển sang mô hình cho vay dựa trên dòng tiền, phương án kinh doanh...

Ngoài ra, các điều kiện tín dụng và chi phí vốn cũng được doanh nghiệp phản ánh chưa tích cực qua PCI 2025. Có tới 56,3% doanh nghiệp cho rằng lãi suất và điều kiện vay vốn đối với doanh nghiệp tư nhân khó khăn hơn so với doanh nghiệp nhà nước, trong khi 46,1% phản ánh việc các tổ chức tín dụng áp đặt điều kiện bất lợi. Thủ tục vay vốn cũng là một rào cản đáng kể, với 45,0% doanh nghiệp đánh giá là phiền hà. Đồng thời, chi phí không chính thức vẫn tồn tại, khi 44,5% doanh nghiệp cho rằng việc “bồi dưỡng” cho cán bộ ngân hàng là phổ biến. Những

yếu tố này cho thấy doanh nghiệp không chỉ đối mặt với rào cản tài chính, mà còn với các rào cản thể chế trong quá trình tiếp cận vốn.

Hình 5: Đánh giá của doanh nghiệp về tình hình vay vốn tại địa phương



Nguồn: Khảo sát PCI 2025. Câu hỏi E10 “Doanh nghiệp bạn đánh giá như thế nào về tình hình vay vốn tại địa phương?” Tỷ lệ doanh nghiệp thể hiện trên hình vẽ là những doanh nghiệp trong mẫu khảo sát PCI 2025 lựa chọn “Đồng ý” cho các nhận định “Ngân hàng, tổ chức tín dụng áp đặt điều kiện tín dụng bất lợi (điều chỉnh lãi suất, điều kiện cho vay, v.v.) cho doanh nghiệp”, “Doanh nghiệp không thể vay vốn nếu không có tài sản thế chấp”, “Lãi suất và các điều kiện cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân luôn khó khăn hơn so với DNNN”, “Việc “bồi dưỡng” cho cán bộ ngân hàng, tổ chức tín dụng để vay được vốn là phổ biến”, “Thủ tục vay vốn rất phiền hà”, “Ngân hàng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vay vốn mà không cần tài sản đảm bảo”.

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

PCI 2025 phản ánh được cảm nhận của doanh nghiệp về tính minh bạch, ổn định của môi trường chính sách, pháp luật trong bối cảnh hiện nay. Thứ nhất, khả năng dự đoán thay đổi chính sách của doanh nghiệp không khả quan. Chỉ khoảng 6–8% doanh nghiệp trong mẫu khảo sát PCI 2025 cho biết có thể dự đoán ở mức “thường xuyên” hoặc “luôn luôn”, trong khi phần lớn chỉ dừng ở mức “thỉnh thoảng” (khoảng 30–34%) hoặc thấp hơn (“hiếm khi” và “không bao giờ” chiếm trên 50–60%).

Phân theo quy mô lao động, doanh nghiệp lớn có khả năng dự báo tốt hơn so với doanh nghiệp nhỏ, nhưng khác biệt này không làm thay đổi bức tranh chung. Cụ thể, ở nhóm dưới 101 lao động, chỉ khoảng 6,3% doanh nghiệp có thể dự đoán “thường xuyên” hoặc “luôn luôn”, trong khi tỷ lệ này ở nhóm từ 101 lao động trở lên là khoảng 12,5%. Đồng thời, tỷ lệ “không bao giờ” dự đoán được cũng cao hơn

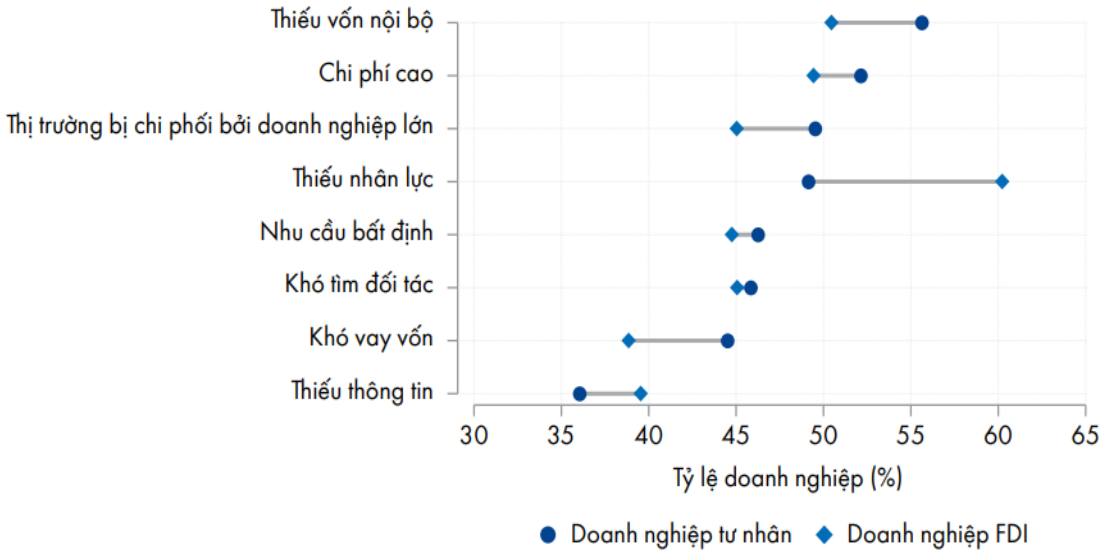
ở doanh nghiệp nhỏ (31,1% so với 25,4%). Để nâng cao tính dự báo của chính sách, khả năng tiếp cận thông tin pháp luật đóng vai trò then chốt. Kết quả cho thấy phần lớn doanh nghiệp đánh giá có thể tiếp cận các văn bản pháp luật, nhưng mức độ thuận lợi còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, vai trò của chính quyền địa phương trong việc chủ động truyền tải thông tin và tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp trở nên đặc biệt quan trọng. Từ dữ liệu PCI, VCCI đã nhận định rằng Các tỉnh có điểm số cao hơn về tính chủ động trong xử lý các vấn đề mới phát sinh cũng đồng thời là những địa phương được doanh nghiệp đánh giá cao hơn về khả năng hỗ trợ kịp thời.

Rào cản đổi mới sáng tạo theo khu vực doanh nghiệp

Qua khảo sát, rào cản ĐMST phân hóa cực kỳ rõ nét khi so sánh giữa khối doanh nghiệp tư nhân trong nước và khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Phần lớn doanh nghiệp khẳng định “Thiếu vốn nội bộ” là trở ngại lớn nhất (chiếm 55,6% tỷ lệ đánh giá ở mức quan trọng hoặc rất quan trọng). Kế đến là “Chi phí cao” (52,1%) và rủi ro “Thị trường bị chi phối bởi doanh nghiệp lớn” (49,5%). Đáng lưu ý, các nút thắt về nhân lực (49,1%) và sự thiếu hụt thông tin công nghệ (36,1%).

Hình 6: Cấu trúc rào cản ĐMST theo khu vực doanh nghiệp



Nguồn: Khảo sát PCI 2025. Câu hỏi K15 “Trong 2 năm qua, các yếu tố sau đây quan trọng như thế nào trong việc cản trở các hoạt động ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS của doanh nghiệp bạn hoặc ảnh hưởng đến quyết định không thực hiện?”

Ghi chú: Thông tin trên hình thể hiện tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá rào cản từ mức ‘Quan trọng’ trở lên.

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Qua kết quả khảo sát của VCCI, đối với các rào cản như “Thiếu vốn nội bộ” và “Khó vay vốn”, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vấp phải khó khăn hơn đáng kể

so với FDI. Cụ thể, 55,6% doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đánh giá thiếu vốn nội bộ là rào cản quan trọng, trong khi con số này ở khối FDI chỉ là 50,5%. Khi xét đến rào cản về “Thiếu nhân lực có chuyên môn”, tình thế lại đảo ngược. Có tới 60,2% doanh nghiệp FDI coi đây là “nút thắt” lớn nhất, cao hơn mức 49,2% của khối doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI (cũng như doanh nghiệp tư nhân Việt Nam quy mô lớn) khi đã vượt qua bài toán vốn và thị trường, muốn nâng cấp lên các công nghệ chuyên sâu hơn sẽ lập tức phải đối mặt với giới hạn về năng lực hấp thụ, cụ thể là sự khan hiếm nguồn nhân lực kỹ thuật số chất lượng cao.

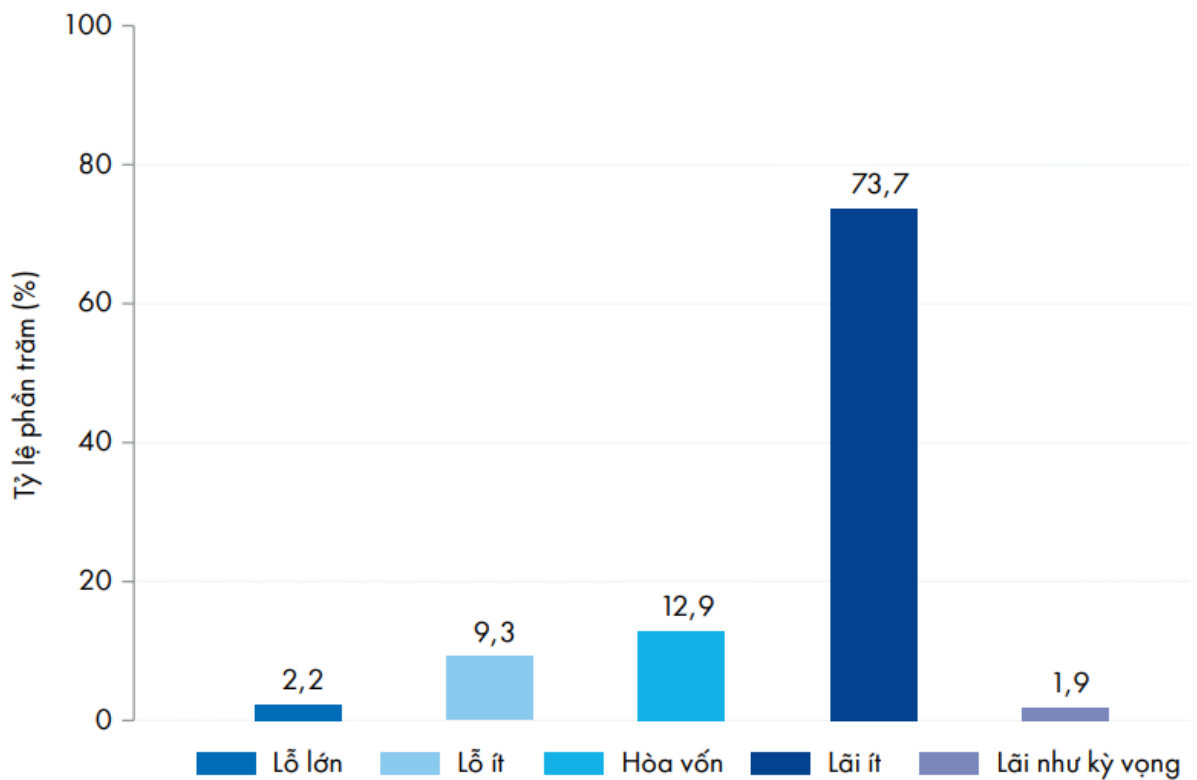
b) Góc nhìn của hộ kinh doanh

Trong cấu trúc kinh tế tư nhân tại Việt Nam, khu vực hộ kinh doanh (HKD) không chỉ là những đơn vị sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ mà còn là một bộ phận có ý nghĩa nền tảng đối với đời sống kinh tế - xã hội. Ước tính sơ bộ đến hết năm 2025 Việt Nam có khoảng 6,1 triệu HKD và đang cung cấp việc làm cho khoảng 10 triệu lao động. Theo số liệu từ Bộ Tài chính, số thu từ HKD năm 2025 đạt 32,84 nghìn tỷ đồng trong 484,77 nghìn tỷ đồng tổng thu ngân sách từ khu vực ngoài quốc doanh (Tài chính doanh nghiệp 2026). Những con số này cho thấy HKD không phải là khu vực bên lề, mà là một cấu phần quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân và của nền kinh tế nói chung.

Khảo sát năm 2026 của VCCI được thực hiện trên phạm vi toàn quốc từ tháng 2 đến tháng 4/2026, thu thập phản hồi của 1001 HKD đang hoạt động tại 34 tỉnh, thành phố. Trong đó, Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong mẫu, lần lượt là 21,1% và 36,7%, phản ánh mức độ tập trung tương đối cao của HKD tại các vùng kinh tế động lực; trong khi Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long mỗi vùng chiếm khoảng 7,6% đến 9,6%, cho thấy HKD hiện diện rộng khắp với mức độ phân bố khác nhau giữa các vùng.

Về kết quả kinh doanh năm 2025 của các hộ kinh doanh được khảo sát, 73,7% hộ cho biết “lãi ít”, 12,9% hòa vốn, 9,3% lỗ ít và 2,2% lỗ lớn, trong khi chỉ 1,9% đạt mức “lãi như kỳ vọng”. Cơ cấu này cho thấy đa số HKD vẫn đang duy trì được hoạt động, nhưng biên lợi nhuận còn mỏng và dư địa tích lũy để tái đầu tư hoặc hấp thụ cú sốc mới còn hạn chế.

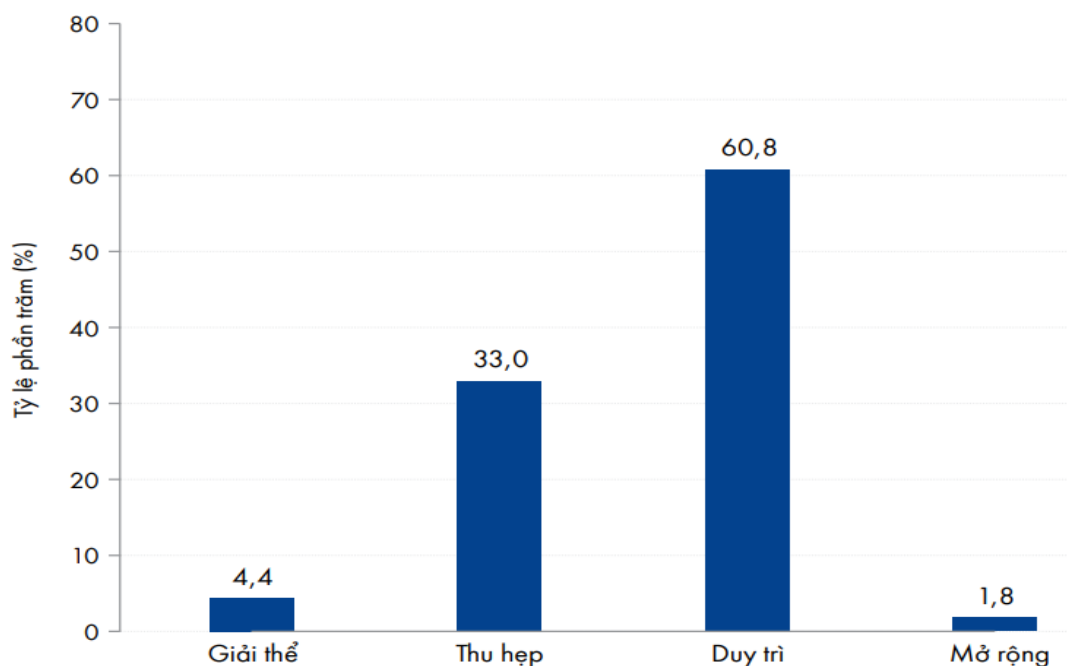
Hình 7: Tình hình lãi/lỗ của hộ kinh doanh năm 2025



Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Trong 2 năm tới, kết quả khảo sát VCCI cho thấy 60,8% hộ dự kiến duy trì hoạt động, 33% có xu hướng thu hẹp, 4,4% dự kiến giải thể và 1,8% có ý định mở rộng. Những con số này cho thấy xu hướng chủ đạo hiện nay của HKD là ưu tiên ổn định hoạt động và quản trị rủi ro nhiều hơn là mở rộng nhanh. Đây là phản ứng có thể hiểu được trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động và chính sách thuế, kế toán mới đang trong quá trình triển khai tới khu vực HKD.

Hình 8: Dự định kinh doanh của HKD trong 2 năm tới



Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Các khó khăn lớn nhất mà Hộ kinh doanh cho biết đang gặp phải là Nguồn lực, thị trường, đầu vào và pháp lý. Tỷ lệ HKD đánh giá các khó khăn ở mức “ảnh hưởng lớn/nghiêm trọng” là 32,6% đối với nguồn lực, 43,8% đối với thị trường, 59,3% đối với đầu vào và 73,3% đối với yếu tố pháp lý. Điều này cho thấy bên cạnh các thách thức quen thuộc như thiếu vốn, thiếu nhân lực, chi phí đầu vào tăng hoặc biến động và sức cầu thị trường suy giảm, yêu cầu hiểu và thực hiện các quy định pháp lý đang nổi lên là một nội dung mà nhiều HKD đặc biệt quan tâm.

Khó khăn về pháp lý là nhóm được nhắc đến nhiều nhất, với 73,3% HKD đánh giá ở mức ảnh hưởng lớn hoặc nghiêm trọng. Điều này phản ánh việc tiếp cận, hiểu và thực hiện các quy định pháp luật, đặc biệt là chính sách thuế, đang là một thách thức thực tế đối với nhiều HKD.

Hình 9: Tỷ lệ đánh giá những khó khăn lớn nhất hiện nay trong hoạt động sản xuất kinh doanh của HKD có mức ảnh hưởng lớn/nghiêm trọng

Loại khó khăn	Tỷ lệ (%)
Khó khăn Nguồn lực	32,6
Khó khăn Thị trường	43,8
Khó khăn Đầu vào	59,3
Khó khăn Pháp lý	73,3
Khó khăn Rủi ro khách quan khác	28,0

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Khảo sát những áp lực chi phí hàng đầu mà hộ kinh doanh đang gặp phải, kết quả cho thấy đa số HKD trả lời tập trung vào bốn nhóm chính: nguyên liệu/hàng hóa, mặt bằng, nhân công và tuân thủ thuế/kế toán. Cụ thể, 43,8% HKD cho biết nguyên liệu/hàng hóa là áp lực chi phí lớn nhất, 39,5% chọn tuân thủ thuế/kế toán, 11,9% chọn mặt bằng, 2% chọn nhân công và 2,8% xếp vào nhóm khác. Cơ cấu này cho thấy HKD hiện chịu đồng thời cả áp lực từ chi phí thị trường và chi phí tuân thủ, trong đó hai nhóm chi phí lớn nhất gần tương đương nhau.

Hình 10: Những áp lực chi phí hàng đầu HKD đang gặp phải

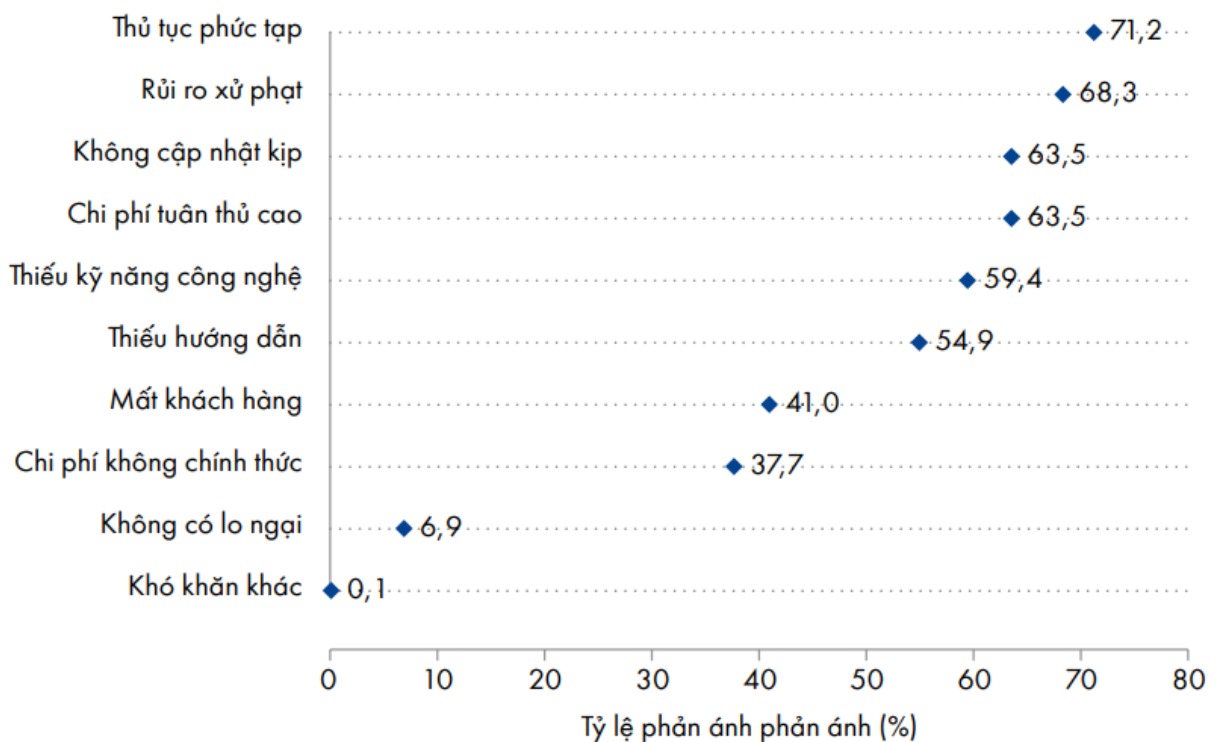
Áp lực chi phí lớn nhất	Tỷ lệ (%)
Nguyên liệu/Hàng hóa	43,8
Mặt bằng	11,9
Nhân công	2,0
Tuân thủ (Thuế/KT)	39,5
Khác	2,8
Total	100,0

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Câu hỏi khảo sát nhằm đánh giá về thực hiện nghĩa vụ tuân thủ thuế và kế toán từ đầu năm 2026 của hộ kinh doanh, khảo sát ghi nhận mức độ hiểu biết hiện ở mức trung bình. Có 2,3% HKD cho biết không biết, 33,9% có nghe nói, 49,8% đã nắm cơ bản và 13,9% tự đánh giá là hiểu rõ. Cơ cấu này cho thấy phần lớn HKD đã bước đầu tiếp cận được thông tin chính sách, nhưng vẫn còn dư địa đáng kể để tăng cường truyền thông, hướng dẫn và hỗ trợ thực thi nhằm giúp các hộ chuyển từ “biết” sang “hiểu” và từ “hiểu” để thực hiện thuận lợi hơn

Khảo sát cũng ghi nhận nhiều lo ngại của hộ kinh doanh trong quá trình tuân thủ chính sách thuế. Tỷ lệ lo ngại tương đối cao đối với thủ tục phức tạp (71,2%), rủi ro bị xử phạt (68,3%), không cập nhật kịp thời (63,5%), chi phí tuân thủ cao (63,5%), thiếu kỹ năng công nghệ (59,4%), thiếu hướng dẫn cụ thể (54,9%), lo ngại mất khách hàng (41%) và phát sinh chi phí không chính thức (37,7%).

Hình 11: Lo ngại trong quá trình tuân thủ chính sách thuế của HKD



Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

VCCI cũng khảo sát ý kiến, nhu cầu của hộ kinh doanh về việc chuyển đổi Hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Khi đi vào các động lực cụ thể, nhu cầu có tư cách pháp nhân để ký kết các hợp đồng lớn hơn là lý do được lựa chọn nhiều nhất, với 39,7%. Tiếp theo là mong muốn mở rộng quy mô (35,3%), hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước (32,7%) và tiếp cận vốn ngân hàng thuận lợi hơn (30,8%). Điều này cho thấy quyết định chuyển đổi của HKD gắn khá chặt với nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh theo chiều sâu hơn, chính thức hơn và bền vững hơn.

Hình 12: Các động lực của HKD chuyển đổi thành doanh nghiệp

Lý do dự định chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
Cần tư cách pháp nhân để ký kết các hợp đồng lớn hơn	39,7
Để dễ dàng vay vốn ngân hàng	30,8
Muốn mở rộng quy mô	35,3
Để dễ huy động vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài	21,2
Để xây dựng thương hiệu một cách chuyên nghiệp	24,4
Để hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước	32,7
Do yêu cầu bắt buộc của cơ quan quản lý tại địa phương	16,7
Lý do khác	2,3

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

Bên cạnh động lực, các rào cản chuyển đổi vẫn còn rất lớn. Hầu hết các HKD không chuyển đổi lên doanh nghiệp cho biết lo ngại về thủ tục thuế khó khăn hơn (93,4%), quy định kế toán phức tạp (91,7%), chi phí tuân thủ BHXH, BHYT cao hơn (91,3%), phải đóng thêm nhiều loại thuế và phí (91,2%) và khả năng bị thanh tra, kiểm tra nhiều hơn (88,9%). Những kết quả này cho thấy khoảng cách giữa nhu cầu phát triển của HKD với cảm nhận về chi phí và rủi ro sau chuyển đổi vẫn còn đáng kể.

Hình 13: Lý do khiến hộ kinh doanh không chuyển lên mô hình doanh nghiệp

Lý do khiến HKD không chuyển lên mô hình doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
Quy định về kế toán phức tạp	91,7
Thủ tục thuế của doanh nghiệp khó khăn hơn	93,4
Lo ngại phải đóng thêm nhiều loại thuế và phí	91,2
Chi phí tuân thủ BHXH, BHYT cao hơn	91,3
Lo ngại bị thanh tra, kiểm tra nhiều hơn so với khi là HKD	88,9

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025, VCCI

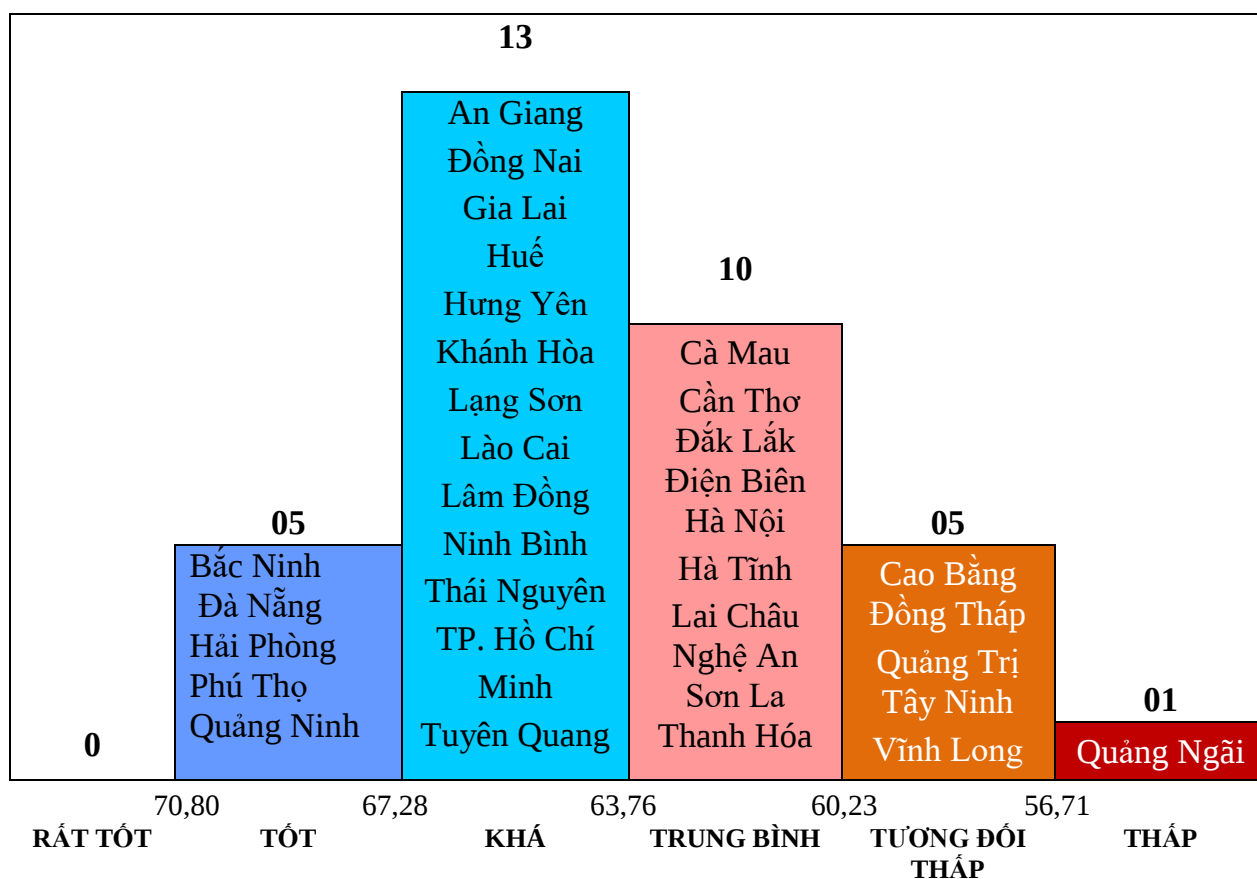
Nhận định về môi trường kinh doanh từ góc nhìn của hộ kinh doanh qua khảo sát tại 34 tỉnh, thành phố cả nước cho thấy khu vực hộ kinh doanh đang phát triển về mặt quy mô, số lượng, song nội lực sức khỏe chưa mạnh, hiệu quả hoạt động, lợi nhuận kinh doanh được báo cáo còn mỏng, tâm thế còn phòng thủ trong tương lai. Trong bối cảnh yêu cầu quản lý nhà nước ngày càng cao, năng lực thực thi của hộ kinh doanh còn kém, ngoài các khó khăn về thị trường, áp lực chi phí, áp lực tuân thủ quy định trong kinh doanh hộ kinh doanh là trở ngại với tỷ lệ doanh nghiệp trả lời rất cao. Từ đó, VCCI đưa ra hàm ý cải cách môi trường kinh doanh cho HKD cần được hiểu trước hết là cải cách tính dễ tuân thủ của hệ thống, chứ không chỉ là siết chặt yêu cầu quản lý.

b) Nhóm địa phương dẫn đầu về chất lượng điều hành của PCI 2025 toàn quốc

Mặc dù không công bố điểm tổng hợp PCI của 34 địa phương, Báo cáo đã xếp thành 6 nhóm chất lượng điều hành tương ứng với ngưỡng điểm của từng nhóm cụ thể là:

- Trên 70,80 điểm: Nhóm Rất Tốt – Không có địa phương nào
- Từ 70,80 xuống đến 67,28 điểm: Nhóm Tốt – 5 địa phương
- Từ 67,28 xuống đến 63,76 điểm: Nhóm Khá – 13 địa phương – đông nhất
- Từ 63,76 xuống đến 60,23 điểm: Nhóm Trung bình – 10 địa phương
- Từ 60,23 xuống đến 56,71 điểm: Nhóm Tương đối thấp – 5 địa phương
- Dưới 56,71 điểm: Nhóm Thấp – 01 địa phương.

Hình 14: Kết quả 34 địa phương trong các nhóm chất lượng điều hành của PCI 2025



Theo nhận định của VCCI, các tỉnh dẫn đầu PCI năm 2025 có những lợi thế nhất định như sau:

Bắc Ninh nổi bật nhất ở khả năng tạo thuận lợi trong tương tác hành chính và duy trì vai trò kiến tạo của chính quyền. Tỉnh cùng lúc dẫn đầu toàn quốc về Chi

phí tuân thủ thủ tục hành chính và Chính quyền kiến tạo, cho thấy địa phương có khả năng phản ứng chính sách và tạo độ tin cậy thể chế cho doanh nghiệp.

Đà Nẵng dẫn đầu toàn quốc về Gia nhập thị trường (8,70 điểm), đồng thời đứng trong nhóm đầu ở Tính minh bạch thông tin, Cạnh tranh bình đẳng, Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và Thiết chế pháp lý.

Hải Phòng là địa phương thường xuyên trong nhóm dẫn đầu cả nước về điểm PCI tổng hợp trong những năm gần đây và cũng là trường hợp thể hiện rõ nhất lợi thế điều hành cân bằng trên diện rộng. Thành phố có tới 7 trên 9 chỉ số thành phần nằm trong top 10 toàn quốc. Nổi bật nhất là Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, Cạnh tranh bình đẳng và Tiếp cận nguồn lực,

Phú Thọ nổi bật nhất ở khả năng khai mở nguồn lực cho doanh nghiệp, với vị trí thứ hai toàn quốc về Tiếp cận nguồn lực. Sức mạnh của Phú Thọ nằm ở sự kết hợp giữa khả năng khơi thông đầu vào kinh doanh và một bộ máy điều hành đủ chủ động để hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp.

Quảng Ninh tiếp tục hiện diện trong nhóm “Tốt” nhờ duy trì ưu thế ở các chiều phản ánh chất lượng thị trường và năng lực điều hành chủ động. Địa phương vẫn giữ được bản sắc của một địa phương điều hành năng động, tương đối công bằng và có khả năng duy trì niềm tin thể chế cho doanh nghiệp.

c) Kết quả chung của 9 chỉ số thành phần thuộc PCI 2025 toàn quốc

Các chỉ số thành phần có kết quả cao nhất trong PCI 2025 gồm Chi phí không chính thức, Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và Thiết chế pháp lý. Trung vị của ba chỉ số này lần lượt đạt 7,60 điểm, 7,31 điểm và 7,29 điểm.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính có khoảng biến thiên khá rộng từ 5,93 đến 8,93 điểm, cho thấy cải cách thủ tục hành chính đạt tiến bộ đáng kể nhưng tốc độ cải thiện chưa đồng đều giữa các địa phương.

- Thiết chế pháp lý và Chi phí không chính thức có độ phân tán tương đối hẹp hơn, cho thấy các nỗ lực trong 2 lĩnh vực này ít khác biệt giữa các địa phương trong toàn quốc.

Nhóm 3 chỉ số có kết quả đánh giá ở khoảng điểm trung bình đó là Gia nhập thị trường, Tính minh bạch thông tin và Tiếp cận nguồn lực. Hai chỉ số đầu đạt trung vị tương đối khá, lần lượt là 7,07 điểm và 6,93 điểm, phản ánh trải nghiệm gia nhập thị trường và tiếp cận thông tin ở nhiều nơi đã được cải thiện đáng kể. Đáng chú ý, Gia nhập thị trường có độ phân tán tương đối lớn, khoảng biến thiên trải dài từ 5,28 đến 8,70 điểm, cho thấy vẫn còn sự khác biệt đáng kể trong đánh giá ở những tỉnh, thành có thực hành tốt so với các địa phương chưa áp dụng.

- Tiếp cận nguồn lực có trung vị chỉ đạt 6,05 điểm và mức tối đa cũng dừng ở 6,69 điểm, cho thấy đây chưa phải là lĩnh vực mà nhóm địa phương dẫn đầu có thể tạo ra khoảng cách quá lớn so với các địa phương còn lại.

Ba chỉ số có mặt bằng thấp nhất là Cạnh tranh bình đẳng, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, và Chính quyền kiến tạo. Trung vị của cả ba chỉ số chỉ dao động trong khoảng 5,43-5,51 điểm trên thang đó 10 điểm.

- Trong đó, Cạnh tranh bình đẳng và Chính quyền kiến tạo là hai lĩnh vực phân hóa mạnh nhất giữa các địa phương. Từ điều này, VCCI cho rằng một số địa phương đã đi trước khá xa trong việc tạo sân chơi bình đẳng và duy trì một chính quyền đủ chủ động, trong khi nhiều nơi khác vẫn ở khá xa chuẩn thực hành tốt. Từ đó cho thấy 2 lĩnh vực có dư địa cải cách cấp tỉnh lớn hơn, dư địa học hỏi chính sách hoặc nhân rộng thực hành tốt từ nhóm đi trước.

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có độ phân tán hẹp hơn (độ lệch chuẩn 0,51 điểm) nhưng mặt bằng điểm thấp, phản ánh đây có thể là một điểm nghẽn chung trên toàn quốc hơn là vấn đề cá biệt của một vài địa phương.

Bảng 2: Địa phương dẫn đầu và thấp nhất các chỉ số thành phần PCI 2025

Chỉ số thành phần	Trung vị	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất
Gia nhập thị trường	7,07	Đà Nẵng 8,07	Gia Lai 5,28
Tiếp cận nguồn lực	6,05	Hà Nội 6,69	Cao Bằng 4,07
Tính minh bạch	6,93	Tuyên Quang 7,78	Quảng Ngãi 5,3
Chi phí tuân thủ TTHC	7,31	Bắc Ninh 8,93	Huế 5,93
Chi phí không chính thức	7,60	Ninh Bình 8,32	Vĩnh Long 6,01
Cạnh tranh bình đẳng	5,51	Lâm Đồng 7,75	Nghệ An 4,40
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,43	Huế 6,87	Tây Ninh 4,37
Thiết chế pháp lý	7,29	Tuyên Quang 7,94	Quảng Trị 6,01
Chính quyền kiến tạo	5,46	Bắc Ninh 6,67	Đồng Tháp 2,78

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

Nhìn chung, kết quả chín chỉ số thành phần của PCI 2025 cho thấy nền tảng quản trị và điều hành đạt chất lượng nhất hiện nay nằm ở các khía cạnh tạo thuận

lợi trong tương tác hành chính và củng cố độ tin cậy pháp lý cho doanh nghiệp. Ngược lại, những lĩnh vực gắn với khả năng hỗ trợ doanh nghiệp, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng và thể hiện vai trò kiến tạo của chính quyền vẫn còn nhiều dư địa cải thiện. Điều này hàm ý rằng giai đoạn tới, cải cách ở cấp tỉnh sẽ cần dịch chuyển dần từ mục tiêu “làm thủ tục nhanh hơn” sang mục tiêu khó hơn là “làm thị trường công bằng hơn, hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả hơn và điều hành chủ động hơn”.

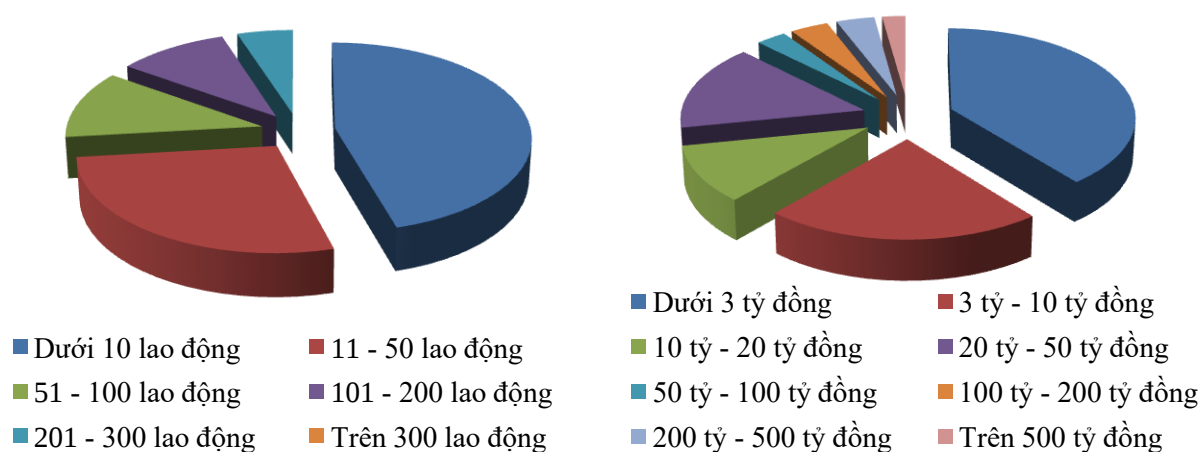
II. KẾT QUẢ PCI 2025 CỦA ĐÀ NẴNG

2.1. Đặc điểm mẫu khảo sát PCI 2025 tại thành phố Đà Nẵng

Mẫu khảo sát PCI 2025 tại thành phố Đà Nẵng gồm 139 doanh nghiệp, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ – thương mại. Doanh nghiệp dịch vụ – thương mại chiếm 80,9% mẫu khảo sát, cao hơn đáng kể so với xây dựng, công nghiệp – chế tạo và các lĩnh vực còn lại.

Mẫu khảo sát chủ yếu gồm các doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Khoảng 73,2% có không quá 50 lao động, 61,5% có vốn kinh doanh không quá 10 tỷ đồng và 65% dự kiến doanh thu (năm 2025) không quá 10 tỷ đồng.

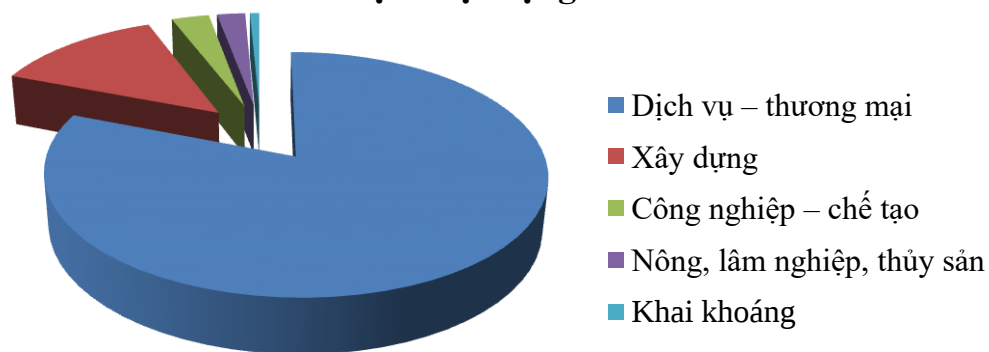
Hình 15: Quy mô về lao động và vốn kinh doanh của doanh nghiệp, khảo sát PCI tại Đà Nẵng



Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Cơ cấu ngành có mức độ tập trung rất cao vào lĩnh vực dịch vụ – thương mại. Nhóm này chiếm 80,9% doanh nghiệp được khảo sát, tiếp đến là lĩnh vực xây dựng trong khi doanh nghiệp công nghiệp – chế tạo chỉ chiếm 2,9%.

Lĩnh vực hoạt động chính

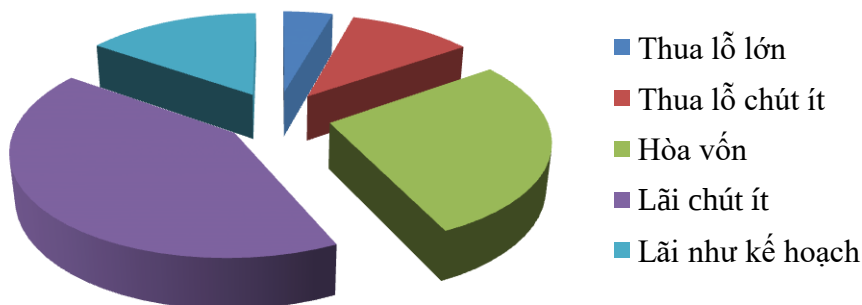


Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Dự đoán tình hình kinh doanh năm 2025

Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp có thể thấy tình hình kinh doanh có dấu hiệu tích cực nhưng lợi nhuận chưa khả quan lắm. Có 56,9% doanh nghiệp dự kiến có lãi, 27,7% hòa vốn và 15,3% thua lỗ; tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp chỉ đạt mức lãi chút ít 41,6% tổng mẫu chỉ báo “lãi chút ít”) và có đến 43,1% doanh nghiệp hòa vốn hoặc thua lỗ.

Tình hình kinh doanh năm 2025

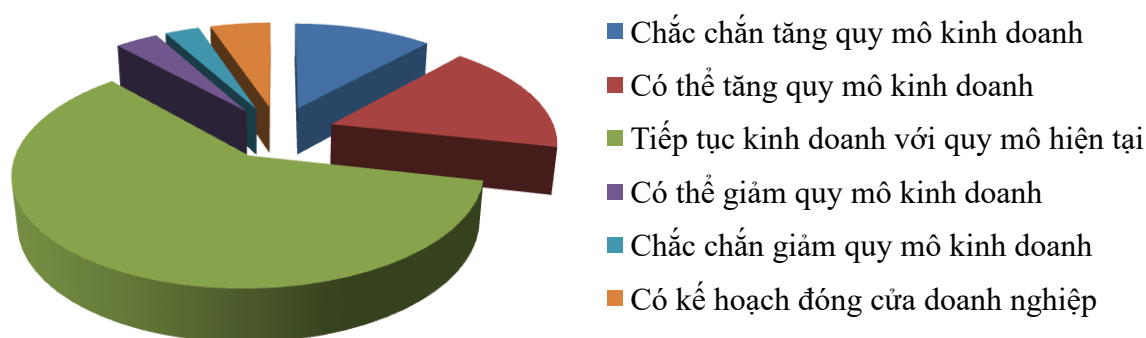


Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Dữ liệu khảo sát cho thấy, tâm lý kinh doanh trong hai năm tới thiên về ổn định hơn là mở rộng. Trong hai năm tới, 28,5% doanh nghiệp có kế hoạch hoặc khả năng mở rộng kinh doanh, 59,9% dự kiến duy trì quy mô hiện tại, 6,6% dự kiến thu hẹp và 5,1% có kế hoạch đóng cửa.

Gần 60% doanh nghiệp lựa chọn duy trì quy mô hiện tại, cho thấy tâm lý kinh doanh nhìn chung còn thận trọng; Tỷ lệ doanh nghiệp dự kiến mở rộng đạt 28,5%, trong đó chỉ 11,7% khẳng định chắc chắn tăng quy mô; và có tới 11,7% doanh nghiệp có triển vọng hoạt động theo chiều hướng tiêu cực.

Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới



Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

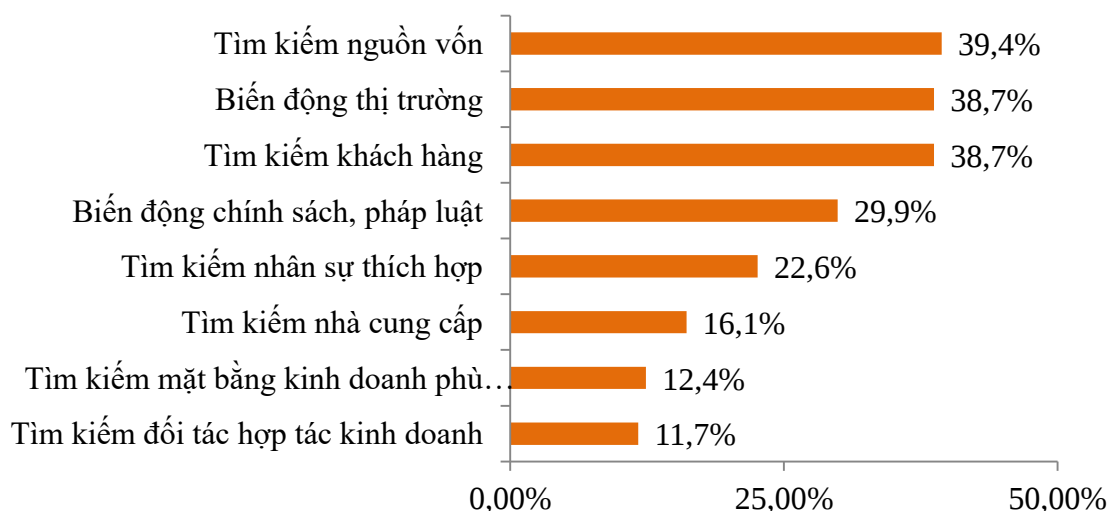
Kết quả cho thấy triển vọng mở rộng có liên hệ khá rõ với tình hình kinh doanh:

- Trong nhóm báo lãi, 40,3% có kế hoạch hoặc khả năng mở rộng, trong khi tỷ lệ đóng cửa chỉ 1,3%;
- Nhóm hòa vốn chủ yếu lựa chọn duy trì hoạt động hiện tại, chiếm 78,9%;
- Trong nhóm báo lỗ, 30% dự kiến thu hẹp và 15% dự kiến đóng cửa; tổng cộng 45% có xu hướng thu hẹp hoặc rút khỏi thị trường

Nhóm khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp qua PCI 2025 của Đà Nẵng

Hình 17: Những khó khăn thách thức của doanh nghiệp khảo sát tại Đà Nẵng

Những khó khăn thách thức lớn nhất của doanh nghiệp



Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Tốp 03 khó khăn lớn nhất mà tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát tại Đà Nẵng lựa chọn nhiều nhất đó là: Tìm kiếm nguồn vốn với 39,4% doanh nghiệp; Khó khăn do biến động thị trường với 38,7%; và khó khăn trong tìm kiếm khách hàng

cũng có 38,7% doanh nghiệp hiện đang gặp phải. Đây cũng là top 3 vấn đề thách thức chung của doanh nghiệp qua khảo sát PCI toàn quốc.

80,9% doanh nghiệp gặp khó khăn về mở rộng thị trường khách hàng đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ – thương mại, cho thấy đây là nhóm nhạy cảm với biến động nhu cầu thị trường và sức mua.

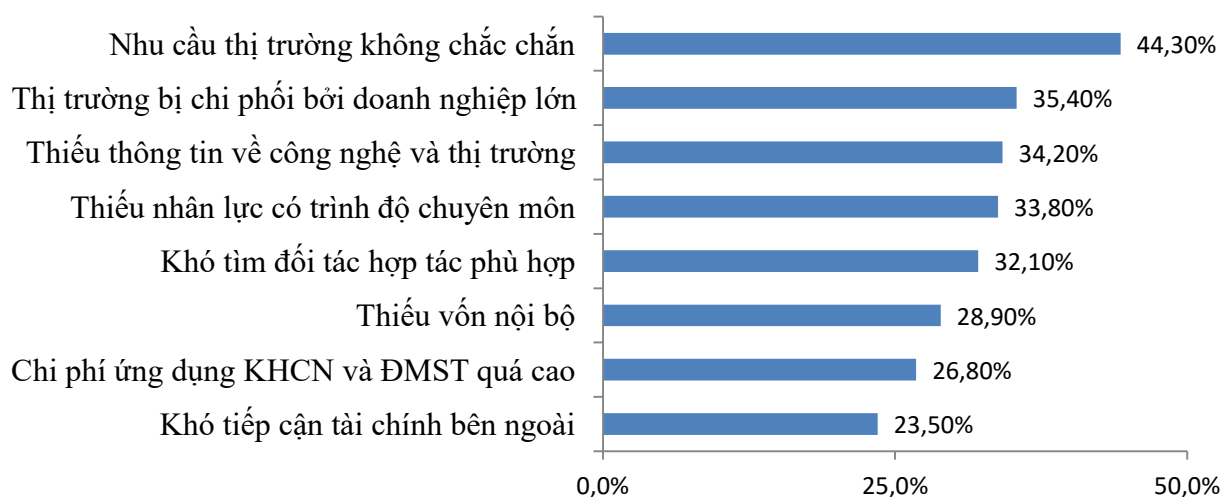
Môi trường thể chế gồm biến động chính sách, pháp luật là khó khăn lớn tiếp theo với 29,9% doanh nghiệp lựa chọn. Các thách thức được đề cập sau đó lần lượt là về tìm kiếm nhân sự phù hợp, tìm đối tác cung ứng, mặt bằng kinh doanh và đối tác hợp tác kinh doanh.

Để ứng phó với các khó khăn trên, phần lớn doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động. Tuy nhiên, gần một phần năm doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi đối mặt với khó khăn, trong khi chỉ khoảng một phần mười có khả năng chuyển khó khăn thành cơ hội tăng trưởng. Tỷ lệ này cho thấy khả năng chống chịu của doanh nghiệp nhìn chung ở mức tương đối, nhưng năng lực thích ứng để tạo ra cơ hội kinh doanh mới còn khá hạn chế.

Các rào cản đối với đổi mới sáng tạo

Khi doanh nghiệp Đà Nẵng được hỏi về những rào cản cản trở hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tỷ lệ đánh giá rào cản ở mức “quan trọng” hoặc “rất quan trọng” như sau:

Hình 18: Những rào cản đối với đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khảo sát tại Đà Nẵng

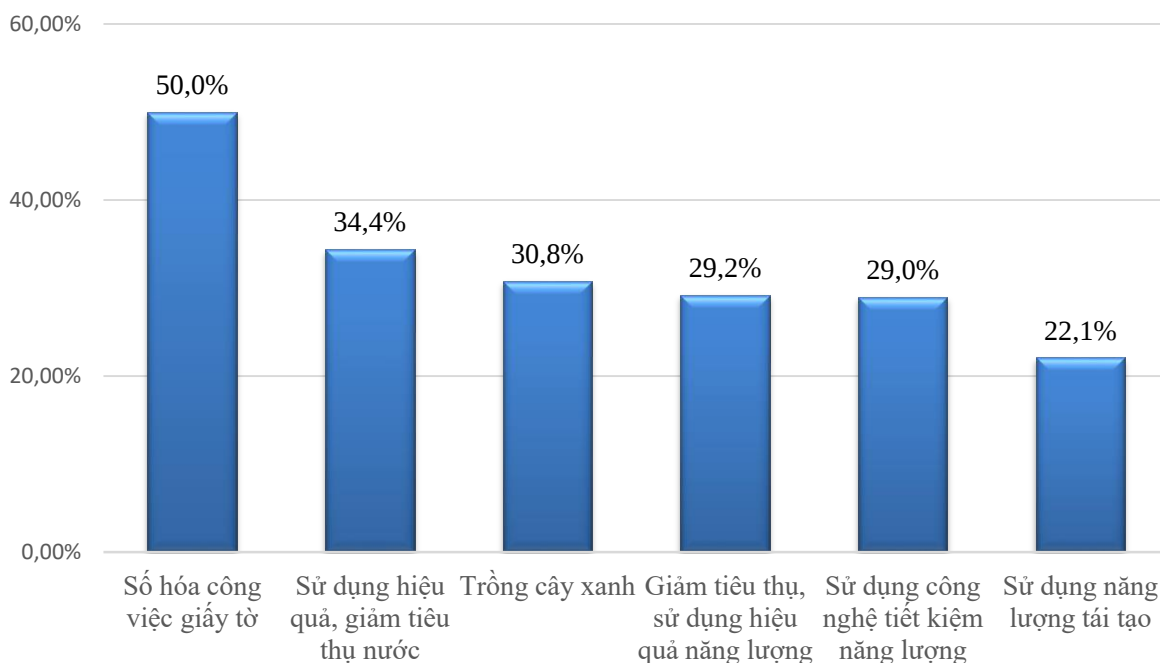


Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Qua đó cho thấy hiện doanh nghiệp tại Đà Nẵng đang đối mặt những rào cản lớn nhất không chỉ là vốn mà còn là đầu ra thị trường, thông tin, nhân lực và khả năng tìm đối tác.

Đối với xu thế phát triển bền vững, “Thực hành xanh” ngày càng trở thành tất yếu và quan trọng đối với doanh nghiệp, Qua khảo sát của VCCI tại Đà Nẵng cho thấy, Bình quân mỗi doanh nghiệp đã thực hiện khoảng 3,18 hành động môi trường trong hai năm gần nhất. Các hành động phổ biến gồm:

Hình 18: Thực hành xanh tại doanh nghiệp khảo sát tại Đà Nẵng



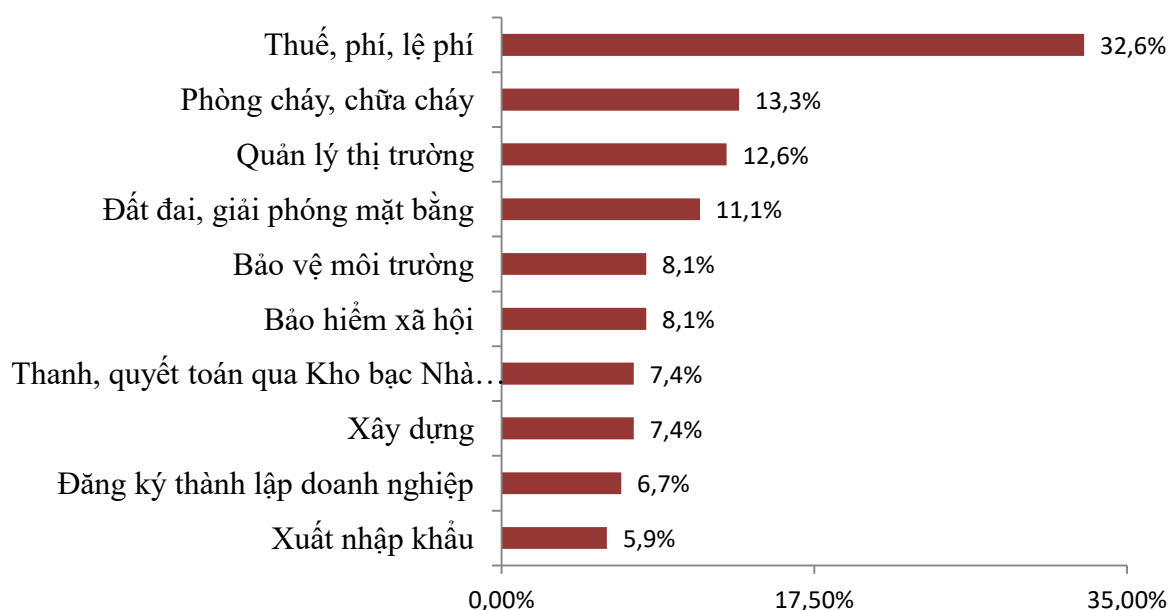
Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Các hoạt động tương đối dễ triển khai như số hóa giấy tờ, tiết kiệm điện, nước và trồng cây có tỷ lệ cao hơn; các hoạt động đòi hỏi đầu tư công nghệ, nhân sự và hệ thống quản lý chuyên biệt có tỷ lệ triển khai thấp hơn.

Lĩnh vực gây phiền hà nhất cho doanh nghiệp Đà Nẵng

Khi được hỏi về những lĩnh vực gây phiền hà cho doanh nghiệp trong năm qua, Có 32,6% doanh nghiệp được khảo sát tại Đà Nẵng lựa chọn thuế, phí và lệ phí. Điều này cho thấy thuế, phí và lệ phí là một điểm nghẽn tương đối rõ trong trải nghiệm tuân thủ quy định của doanh nghiệp.

Hình 19: Những lĩnh vực gây phiền hà cho doanh nghiệp, khảo sát tại Đà Nẵng



Nguồn: Khảo sát Môi trường kinh doanh năm 2025, VCCI

Tiếp theo là các thủ tục trong lĩnh vực Phòng cháy chữa cháy với 13,3% doanh nghiệp trả lời, Quản lý thị trường 12,6% và Đất đai, giải phóng mặt bằng 11,1%.

2.2. Kết quả phân tích PCI 2025 của Đà Nẵng

Trong số 09 chỉ số nội dung thành phần PCI năm 2025, Đà Nẵng có điểm số đều cao hơn trung vị cả nước và trung vị Vùng Duyên hải miền Trung, riêng chỉ số Gia nhập thị trường là địa phương đạt điểm cao nhất. Cụ thể:

- Thành phố Đà Nẵng đứng đầu về chỉ số nội dung Gia nhập thị trường với 8,7 điểm, cách biệt 1,63 điểm so với trung vị cả nước, và 3,42 điểm so với tỉnh thấp nhất cả nước.

- Thuộc top 5 địa phương dẫn đầu về Tính minh bạch, thấp hơn tỉnh cao nhất 0,24 điểm.

- Tiếp tục thuộc top 5 về Cạnh tranh bình đẳng, song điểm số thấp hơn tỉnh cao nhất đến 0,92 điểm, cho thấy khoảng cách điểm đánh giá của các tỉnh thành khá chênh lệch nhau.

- Thuộc top 6 về Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, cách biệt -0,73 điểm so với tỉnh cao nhất.

- Tương tự thuộc top 6 địa phương về Thiết chế pháp lý, chỉ cách biệt -0,12 điểm so với tỉnh cao nhất

- Thuộc top 9 về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, chỉ cao hơn trung vị cả nước 0,35 điểm, và trung vị Vùng 0,19 điểm. Về chỉ số thành phần này, các tỉnh

Duyên hải miền Trung có kết quả đánh giá khả quan hơn so với các chỉ số thành phần khác.

Bảng 3: Kết quả điểm số chỉ số thành phần thuộc PCI Đà Nẵng năm 2025

Chỉ số thành phần	Đà Nẵng 2025	Trung vị (Vùng)	Trung vị (cả nước)	Thấp nhất (cả nước)	Cao nhất (Cả nước)
1. Gia nhập thị trường	8,70	7,04	7,07	5,28	8,70
2. Tiếp cận nguồn lực	6,07	5,77	6,05	4,07	6,69
3. Tính minh bạch	7,54	6,93	6,93	5,30	7,78
4. Chi phí tuân thủ	8,20	7,27	7,31	5,93	8,93
5. Chi phí không chính thức	7,61	7,44	7,60	6,01	8,32
6. Cạnh tranh bình đẳng	6,83	5,22	5,51	4,40	7,75
7. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,78	5,59	5,43	4,37	6,87
8. Thiết chế pháp lý	7,82	7,36	7,29	6,01	7,94
9. Chính quyền kiến tạo	5,61	5,31	5,46	2,78	6,67

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 – Hồ sơ 34 tỉnh, thành phố Việt Nam, VCCI.

Theo Báo cáo PCI 2025 đánh giá, Đà Nẵng có điểm mạnh nằm ở chuỗi tương tác đầu tiên giữa doanh nghiệp và chính quyền: từ khâu gia nhập thị trường, tiếp cận thông tin cho đến chất lượng xử lý thủ tục và mức độ tin cậy của thể chế thực thi.

Bảng 3: Các chỉ số thành phần thuộc PCI Đà Nẵng năm 2025 so với Quảng Nam và Đà Nẵng cũ năm 2024

T T	Chỉ số thành phần	Quảng Nam 2024		Đà Nẵng 2024		2025	
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng
1	Gia nhập thị trường	7,77	34	8,05	25	8,70	1
2	Tiếp cận nguồn lực	-	-	-	-	6,07	17
3	Tính minh bạch	6,40	37	7,00	10	7,54	5
4	Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính	-	-	-	-	8,2	6
5	Chi phí không chính thức	6,65	39	7,10	16	7,61	17
6	Cạnh tranh bình đẳng	6,71	09	5,57	45	6,83	5
7	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và lao động	6,68	53	7,66	16	5,78	9
8	Thiết chế pháp lý	7,49	35	6,91	56	7,82	6
9	Chính quyền kiến tạo	-	-	-	-	5,61	13

Chỉ số PCI tổng hợp	68,79	16	69,24	15	NHÓM TỐT
----------------------------	--------------	-----------	--------------	-----------	-----------------

Nguồn: Dữ liệu PCI 2024 và 2025, VCCI

2.2.1 Chỉ số Gia nhập thị trường:

Năm 2025, Đà Nẵng được đánh giá dẫn đầu cả nước về chỉ số Gia nhập thị trường với điểm số đạt 8,7 điểm (so với Quảng Nam xếp thứ 34/63 tỉnh thành và Đà Nẵng cũ xếp 25/63 tỉnh thành trong PCI 2024). Đà Nẵng cao hơn trung vị cả nước 1,63 điểm, hơn trung vị Vùng Duyên hải miền Trung 1,66 điểm và so với tỉnh thấp nhất (Gia Lai) đến 3,42 điểm cách biệt, kết quả khoảng cách điểm khá lớn của chỉ số thành phần này.

Về chỉ tiêu thành phần, chỉ số Gia nhập thị trường năm 2025 giữ lại 10/10 chỉ tiêu, loại bỏ 9 chỉ tiêu của chỉ số tương ứng trong PCI năm 2024. Vì tất cả chỉ tiêu chỉ số Gia nhập thị trường 2025 đều giống trong PCI 2024 nên khả năng so sánh kết quả của thành phố Đà Nẵng mới so với Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024 tương đối hợp lệ.

Qua kết quả Bảng 4, cho thấy:

- Có 6/10 chỉ tiêu trong PCI năm 2025 có kết quả cải thiện hơn cả Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024.

- + Trong đó đáng chú ý về số ngày trung vị đăng ký doanh nghiệp của thành phố Đà Nẵng mới chỉ còn 03 ngày, rút ngắn đáng kể so với Quảng Nam cũ là 10 ngày và Đà Nẵng cũ là 07 ngày, và chỉ bằng $\frac{1}{2}$ số ngày trung vị cả nước;

- + Tất cả 05 chỉ tiêu đánh giá liên quan đến thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện cho kết quả năm 2025 tốt hơn hẳn so với 2 địa phương cũ năm 2024;

- Có 3/10 chỉ tiêu có kết quả năm 2025 đều giảm sút so với kết quả của Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024, trong đó đáng chú ý là 2 chỉ tiêu giảm sút dưới mức trung vị cả nước:

- + Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên tăng đạt đến 42,42% (so với trung vị là 37,98%)

- + Tỷ lệ DN cho rằng Hướng dẫn thủ tục ĐKDN rõ ràng, đầy đủ giảm mạnh chỉ còn 56,41% % (so với trung vị là 56,83%)

- Có 1/10 chỉ tiêu cải thiện so với Đà Nẵng 2024, giảm sút so với Quảng Nam 2024: 11,11% DN cho biết phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động, giảm so với 19,57% là tỷ lệ của Đà Nẵng cũ năm 2024, trong khi không có DN nào được khảo sát ở Quảng Nam năm 2024 cho rằng Phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

Đánh giá chung: So với thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam cũ năm 2024, thành phố có chuyển biến rõ về thời gian đăng ký doanh nghiệp và đặc biệt là chất lượng thực hiện các thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện. Thời gian, quy trình và chi phí cấp phép đều được doanh nghiệp đánh giá ở mức rất tích cực, trong khi tỷ lệ phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký từ hai lần trở lên, đồng thời chất lượng hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp đều thu được kết quả doanh nghiệp trả lời thấp hơn trung vị cả nước, cho thấy mức độ đánh giá tích cực từ phía doanh nghiệp được khảo sát trên địa bàn thành phố vẫn còn hạn chế.

Bảng 4: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Gia nhập thị trường

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị (cả nước)
	Điểm chỉ số Gia nhập thị trường		8,05		
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp (Số ngày trung vị)	10,00	7,00	3,00 	6,00
2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên (%)	6,67	10,42	42,42 	37,98
3	Hướng dẫn thủ tục ĐKDN rõ ràng, đầy đủ (% Đồng ý)	100,00	89,13	56,41 	56,83
4	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (% Đồng ý)	40,00	54,55	88,89 	67,66
5	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% Đồng ý)	38,00	52,73	92,31 	64,32
6	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% Đồng ý)	40,00	52,73	96,15 	70,71
7	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (%)	40,00	50,91	96,15 	63,64
8	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	0,0	2,17	4,40 	16,18
9	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	58,33	36,73	5,71 	25,00
10	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	0,0	19,57	11,11	16,50

2.2.2 Chỉ số Tiếp cận nguồn lực

Chỉ số Tiếp cận nguồn lực của Đà Nẵng năm 2025 đạt 6,07 điểm, xếp thứ 17/34 địa phương, xấp xỉ điểm trung vị cả nước là 6,05 điểm và dẫn đầu Vùng Duyên hải miền Trung về chỉ số thành phần này.

Chỉ số thành phần này trong PCI 2025 có bổ sung các chỉ tiêu mới so với năm 2024, do mở rộng nội hàm từ tiếp cận đất đai sang ba nhóm nguồn lực: đất đai và mặt bằng kinh doanh, vốn tín dụng, dữ liệu và nền tảng số của địa phương. Do vậy, chỉ có 5/10 chỉ tiêu thành phần liên quan đến tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất thuộc PCI 2024 được giữ lại và bổ sung thêm 5 chỉ tiêu mới.

So sánh các chỉ tiêu giữ nguyên, 3/5 chỉ tiêu được doanh nghiệp địa phương đánh giá tốt hơn so với trong kết quả PCI 2024 của 2 địa phương cũ. Trong đó, 1 chỉ tiêu là Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết “Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với quy định” đạt 61,11% mặc dù có giảm nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với giá trị trung vị cả nước.

- 01 chỉ tiêu đều giảm sút so với Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024, đó là DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất cao hơn trong năm 2025 và cao hơn cả trung vị cả nước. Và 01 chỉ tiêu cải thiện so với Đà Nẵng cũ, nhưng giảm sút so với Quảng Nam năm 2024, đó là 52,94% DN cho biết phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, mức này tiếp tục cao hơn trung vị cả nước trong năm 2025

- Đối với các chỉ tiêu mới đánh giá về tiếp cận nguồn lực vốn, kết quả đánh giá của doanh nghiệp Đà Nẵng chỉ xấp xỉ mức trung vị cả nước.

- Riêng đánh giá về tiếp cận dữ liệu, nền tảng số, thành phố được doanh nghiệp địa phương đánh giá khá tích cực. Đà Nẵng đạt 3,02/5 điểm về mức độ sẵn có và dễ tiếp cận dữ liệu mở, thuộc nhóm 8 địa phương có kết quả tốt nhất. 74,02% doanh nghiệp đánh giá chất lượng tốt các nền tảng số dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp của thành phố, xếp thứ 3/34 tỉnh thành. Hải Phòng là địa phương đạt tỷ lệ cao nhất là 77,24%.

Đánh giá chung: cảm nhận của doanh nghiệp về khả năng tiếp cận, mở rộng mặt bằng và thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, tình trạng hồ sơ đất đai kéo dài, rủi ro về tính ổn định trong sử dụng đất và tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn kế hoạch kinh doanh vẫn ở mức đáng lưu ý. Đối với các chỉ tiêu mới, Đà Nẵng có lợi thế rõ về dữ liệu mở và chất lượng nền tảng số, song khả năng tiếp cận tín dụng của DNNVV và mức độ chủ động trong kết nối doanh nghiệp – ngân hàng mới chỉ ở mức trung bình.

Bảng 5: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Tiếp cận nguồn lực

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị
1	Tỷ lệ DN gặp khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%) ¹	82,19	67,78	14,29 	22,70
2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết “Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với quy định” (%)	69,86	71,76	61,11 	54,79
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	1,68	1,58	1,83 	1,82
4	Tỷ lệ DN không làm thủ tục đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)	52,08	31,82	12,90 	13,19
5	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai (%)	45,45	74,12	52,94	50,00
Chỉ tiêu mới:					
6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các khoản vay từ tổ chức tín dụng (%)	-	-	25,93	25,94
7	Chính quyền tỉnh chủ động trong việc tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng (% đồng ý)	-	-	12,69	14,20
8	Các chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh (nếu có) là dễ tiếp cận và thực chất (% đồng ý)	-	-	54,55	53,09
9	Mức độ sẵn có và dễ dàng tiếp cận các cơ sở dữ liệu mở của tỉnh (1: rất khó/không thể tiếp cận - 5: rất dễ)	-	-	3,02	2,87
10	Các nền tảng số dùng chung do tỉnh cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp có chất lượng tốt (% đồng ý)	-	-	74,02	59,14

¹ PCI 2024, chỉ tiêu “Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)”

2.2.3 Chỉ số Tính minh bạch

Chỉ số Tính minh bạch của thành phố Đà Nẵng năm 2025 đạt 7,54 điểm, xếp thứ 5/34 tỉnh, thành phố, và tiếp tục dẫn đầu các tỉnh thành Vùng duyên hải miền Trung (trung vị Vùng đạt ngang bằng trung vị cả nước)

Chỉ số này giữ nguyên 7 chỉ tiêu cũ trong chỉ số Tính minh bạch thuộc PCI 2024, loại bỏ 11 chỉ tiêu, và bổ sung 5 chỉ tiêu mới.

Trong số 7 chỉ tiêu giữ lại/tương đồng, có 6/7 chỉ tiêu có kết quả đánh giá năm 2025 tốt hơn so với kết quả của cả 2 địa phương Quảng Nam và Đà Nẵng cũ năm 2024. Trong đó, tuy có cải thiện, 02 chỉ tiêu đánh giá về khả năng dự liệu liên quan đến thay đổi quy định pháp luật và việc thực thi quy định của thành phố vẫn thấp hơn mức trung bình cả nước, cụ thể 39,1% doanh nghiệp đánh giá Có thể dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương, so với 41,39% trung vị cả nước; đáng chú ý chỉ có 36,92% đánh giá rằng Có thể dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của thành phố, thấp hơn đáng kể so với 46,5% là mức trung bình của cả nước.

- 1/7 chỉ tiêu có sự giảm sút nhẹ so với kết quả Quảng Nam và Đà Nẵng cũ năm 2024.

Đối với những chỉ tiêu mới: Đà Nẵng có 2/5 chỉ tiêu đạt cao hơn trung vị cả nước, và chỉ tiêu về mức độ hữu ích của thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của thành phố được doanh nghiệp đánh giá khả quan, điểm số đạt xếp thứ 5/34 tỉnh, thành.

- 02 chỉ tiêu chỉ đạt kết quả xấp xỉ mức trung bình cả nước. Trong khi đó 01 chỉ tiêu Điểm số đánh giá công khai, minh bạch (Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang điểm 100) thấp dưới trung vị cả nước.

Đánh giá chung: So với Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024, khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý và khả năng dự báo việc thực thi chính sách có chuyển biến tích cực; cảm nhận doanh nghiệp phải dựa vào mối quan hệ để tiếp cận thông tin cũng giảm. Các chỉ tiêu mới cho thấy thông tin trên Cổng thông tin điện tử tương đối hữu ích và độ mở dữ liệu cao hơn mặt bằng chung. Tuy nhiên, khả năng dự báo sự thay đổi quy định của thành phố còn thấp, chất lượng phản hồi kiến nghị mới chỉ ở mức trung bình.

Bảng 6: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Tính minh bạch

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị (cả nước)
1	Khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2,95	3,10	3,33 	3,00
2	Khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,12	3,25	3,25 	3,00
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý Hoạt động đấu thầu công khai minh bạch (%)	19,05	18,92	93,75 	90,54
4	Các hiệp hội doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách của tỉnh (% đồng ý).	78,72	78,24	74,81 	59,17
5	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	34,04	29,52	39,10 	41,39
6	Có thể dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% đồng ý)	34,04	33,54	36,92 	46,50
7	Cần có 'mối quan hệ' để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi (% đồng ý) ²	35,11	31,00	30,53 	32,97
Chỉ tiêu mới:					
8	Điểm số mức độ hữu ích của thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (1-5)	-	-	3,00	2,5
9	Điểm số đánh giá độ mở Cổng thông tin điện tử chính quyền cấp tỉnh (thang điểm 100)	-	-	61,65	58,40
10	Mức độ kịp thời doanh nghiệp nhận được thông tin dự thảo chính sách (điểm trung bình thang điểm 1-5, cao hơn là tốt hơn)	-	-	3,00	3,00
11	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi và giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị, phản ánh (%).	-	-	50,00	50,00
12	Điểm số đánh giá công khai, minh bạch (Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang điểm 100)	-	-	14,97	15,31

² PCI 2024, Chỉ tiêu tương tự: Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)

2.2.4 Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của thành phố Đà Nẵng năm 2025 đạt 8,20 điểm, tương ứng với vị thứ 6/34 địa phương, tiếp tục dẫn đầu Vùng duyên hải miền Trung, cách biệt so với tỉnh kế tiếp trong Vùng đến 0,71 điểm (Thanh Hóa). Trung vị Vùng đạt 7,27 điểm so với trung vị cả nước là 7,31 điểm, cho thấy chỉ số này không phải là lợi thế của đa số các tỉnh thành thuộc Vùng duyên hải miền Trung.

Chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính năm 2025 có 8 chỉ tiêu được giữ lại hoặc tương đồng với chỉ số tương ứng thuộc PCI 2024, bỏ 6 chỉ tiêu cũ, và bổ sung 4 chỉ tiêu mới. Trong đó, 9 chỉ tiêu có kết quả từ nguồn khảo sát doanh nghiệp.

Từ bảng kết quả các chỉ tiêu thành phần (Bảng...) cho thấy:

- 7/8 chỉ tiêu giữ nguyên/tương đồng có kết quả năm 2025 tốt hơn so với cả Quảng Nam và Đà Nẵng cũ năm 2024 và kết quả hầu như cao hơn so với trung vị, cho thấy sự chuyển biến tích cực trong hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, mức độ thuận lợi của thủ tục hành chính trực tuyến và khả năng tiết giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

- Ngoại trừ 1 chỉ tiêu 13,95% doanh nghiệp trả lời cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp, dù có cải thiện so với năm 2024, vẫn cao hơn hẳn so với mức trung vị cả nước là 8,89%.

Đối với các chỉ tiêu mới, 2/4 chỉ tiêu của Đà Nẵng có kết quả xấp xỉ với mức bình quân của cả nước. 01 chỉ tiêu Điểm số đánh giá tiến độ giải quyết thủ tục hành chính có kết quả thấp hơn trung vị. Có 11,59% DN trả lời bị thanh kiểm tra 2 lần trở lên một năm, thấp hơn một chút so với 13,85% trung vị cả nước.

Đánh giá chung: Qua PCI 2025 của Đà Nẵng có thể thấy những cải thiện của thành phố tập trung rõ vào ba khía cạnh nổi bật là hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, mức độ thuận lợi của thủ tục hành chính trực tuyến và khả năng tiết giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và giảm chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, gánh nặng thời gian tuân thủ đối với lãnh đạo doanh nghiệp vẫn đáng kể; tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh tình trạng trùng lặp nội dung thanh tra, kiểm tra còn cao hơn mặt bằng chung cả nước. Thành phố cần tiếp tục hoàn thiện quy trình liên thông, tái sử dụng dữ liệu số, kiểm soát hồ sơ trễ hạn và điều phối thống nhất kế hoạch thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan.

Bảng 7: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị (cả nước)
1	Tỷ lệ doanh nghiệp phải dành 10% quỹ thời gian của lãnh đạo để làm việc với các cơ quan nhà nước và tuân thủ quy định (% đồng ý) ³	28,87	33,71	30,22	37,40
2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện (% đồng ý)	87,04	87,84	90,24 ↑	90,32
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% đồng ý)	83,18	79,05	91,06 ↑	80,88
4	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% đồng ý)	75,00	89,12	89,26 ↑	80,28
5	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% đồng ý)	84,21	88,39	94,12 ↑	88,94
6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (%)	82,89	88,39	94,85 ↑	89,17
7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (%)	81,58	85,59	96,32 ↑	89,37
8	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)*	31,82	18,75	13,95 ↑	8,89
	Chỉ tiêu mới:				
9	Điểm số đánh giá tiến độ giải quyết thủ tục hành chính (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)	-	-	18,92	19,40
10	Điểm số đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)	-	-	10,21	10,11

³ Trong PCI 2024: Chỉ tiêu Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)

11	Điểm số đánh giá kết quả số hóa hồ sơ (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)	-	-	21,56	21,00
12	Bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên một năm (% doanh nghiệp)	-	-	11,59	13,85

2.2.5 Chỉ số chi phí không chính thức

Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức thuộc PCI phản ánh mức độ phổ biến và quy mô của các khoản chi ngoài quy định mà doanh nghiệp phải chi trả trong quan hệ với cơ quan nhà nước. Nhóm chỉ tiêu đánh giá tình trạng những nhiễu trong các khâu dễ phát sinh như thanh tra, kiểm tra, đấu thầu, cấp phép và tiếp cận dịch vụ công, dựa trên cả đánh giá tổng quát lẫn trải nghiệm cụ thể của doanh nghiệp. Từ góc nhìn thể chế, đây là thước đo quan trọng về tính liêm chính và kỷ cương công vụ của bộ máy địa phương, cho thấy mức độ mà các gánh nặng chi phí ẩn đang làm suy giảm năng lực cạnh tranh và hiệu quả đầu tư của khu vực tư nhân.

Chỉ số Chi phí không chính thức của thành phố Đà Nẵng năm 2025 đạt 7,61 điểm, gần như bằng trung vị của 34 địa phương là 7,60 điểm, xếp thứ 17/34 tỉnh, thành phố. Trung vị Vùng

Chỉ số Chi phí không chính thức có 05 chỉ tiêu năm 2025 có nội dung giống hoặc gần tương đương với PCI 2024, và bổ sung 03 chỉ tiêu mới. Các dữ liệu có nguồn từ khảo sát PCI 2025.

So với 2 địa phương cũ trong năm 2024, có 3/7 chỉ tiêu cũ/tương đương của thành phố Đà Nẵng năm 2025 có sự cải thiện, trong khi đó 4/7 chỉ tiêu bị giảm sút.

- Đáng chú ý là: 46,28% doanh nghiệp Đà Nẵng được khảo sát đồng ý rằng tình trạng những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến – có cải thiện (so với trên 60% doanh nghiệp năm 2024) nhưng đang ở mức xấp xỉ trung bình cả nước (46,86%); và đến 52,63% doanh nghiệp đồng ý rằng Chi trả chi phí không chính thức là bắt buộc để đảm bảo trúng thầu, tỷ lệ này rất cao so với mức trung vị cả nước chỉ đạt 33,33%. Qua đó còn cho thấy tình trạng những nhiễu, phát sinh chi phí không chính thức trong lĩnh vực đấu thầu được doanh nghiệp đánh giá cao hơn đáng kể so với giải quyết thủ tục hành chính.

- 70,83% doanh nghiệp được khảo sát cho biết chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn, với tỷ lệ cao này cho thấy phản ánh của doanh nghiệp rằng thủ tục công vụ bị nhiễu và việc hối lộ có tác dụng rõ rệt, trong khi đó tỷ lệ trung bình cả nước chỉ đạt 66,25%.

- Đến 50,0% doanh nghiệp đồng ý rằng doanh nghiệp thường phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước tại địa phương, cao hơn so với 45,0% trung bình cả nước.

- Về chỉ tiêu “Mức trung bình số lĩnh vực quản lý mà doanh nghiệp báo cáo có phát sinh chi phí không chính thức”, Đà Nẵng thấp hơn trung vị khoảng 0,113 lĩnh vực, tương đương khoảng 24,7%.

Bảng 8: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Chi phí không chính thức

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị (cả nước)
1	Chi trả chi phí không chính thức là bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% đồng ý) (2024: Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu)	28,95	20,75	52,63 	33,33
2	Tình trạng chạy án là phổ biến (% đồng ý)	43,84	44,93	4,17 	13,81
3	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (%)	2,86	2,33	3,31 	3,41
4	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng tình trạng những nhiều khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến (%)	63,19	67,80	46,28 	46,86
5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn (%) ⁴	37,33	64,21	70,83 	66,25
6	Hoạt động thanh, kiểm tra có phát sinh chi phí không chính thức (% đồng ý)	43,08	19,64	12,20 	12,50
7	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng doanh nghiệp thường phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước tại địa phương (%)	33,79	35,56	50,00 	45,03
	Chỉ tiêu mới:				
8	Mức trung bình số lĩnh vực quản lý mà doanh nghiệp báo cáo có phát sinh chi phí không chính thức	-	-	0,345	0,459

⁴ PCI 2024, chỉ tiêu: Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)

Đánh giá chung: Một số khía cạnh có chuyển biến tích cực, nhất là giảm chi phí ngoài quy định trong thanh tra, kiểm tra và giảm cảm nhận những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thường phải trả chi phí không chính thức đạt mức 50%, cao hơn trung vị cả nước là 45,0%, hơn một nửa cho rằng chi trả là cần thiết để bảo đảm trúng thầu. Việc phần lớn doanh nghiệp (70,83%) nhận thấy khoản chi này giúp công việc được giải quyết như mong muốn cho thấy sự quan ngại rõ ràng.

2.2.6 Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Năm 2025, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Đà Nẵng đạt 6,83 điểm, tăng điểm so với Đà Nẵng năm 2024 là 5,57 điểm và Quảng Nam cũ 2024 là 6,71 điểm. Tương ứng với điểm số này, Đà Nẵng năm 2025 đang ở vị thứ 5/34 tỉnh, thành, và dẫn đầu trong Vùng Duyên hải miền Trung với trung vị của Vùng là 5,22 điểm – thấp đáng kể so với trung vị cả nước.

Về các chỉ tiêu thành phần, 10/11 chỉ tiêu thuộc chỉ số Cạnh tranh bình đẳng được giữ lại, loại bỏ 1 chỉ tiêu.

So với Quảng Nam và Đà Nẵng năm 2024, kết quả của thành phố Đà Nẵng năm 2025:

- Có 5/10 chỉ tiêu được đánh giá tốt hơn so với 2 địa phương năm 2024
- 2/10 chỉ tiêu có kết quả giảm sút so với 2 địa phương năm trước
- 3 chỉ tiêu có sự giảm sút so với Quảng Nam cũ 2024, cải thiện không đáng kể so với Đà Nẵng năm 2024

Đáng lo ngại là: Xấp xỉ 70% doanh nghiệp cho rằng nguồn lực kinh tế chủ yếu thuộc về doanh nghiệp có quan hệ chặt chẽ với cán bộ chính quyền; gần 61% cho rằng ưu đãi cho doanh nghiệp lớn gây trở ngại cho hoạt động của doanh nghiệp mình.

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của thành phố Đà Nẵng năm 2025 có sự cải thiện rõ về điểm số và theo cảm nhận của doanh nghiệp được khảo sát là nhiều biểu hiện ưu ái cụ thể đối với doanh nghiệp lớn đã giảm. Tuy nhiên, một tỷ lệ không nhỏ doanh nghiệp vẫn quan ngại về tính minh bạch trong phân bổ nguồn lực và định hướng ưu tiên doanh nghiệp lớn so với phát triển cộng đồng DNNVV.

Bảng 9: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị
1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp (% đồng ý)	82,31	80,54	91,74 	85,84
2	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển SME tại địa phương (% đồng ý)	20,41	36,22	59,23 	65,76
3	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	26,51	31,85	30,77	62,09
4	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	22,89	32,59	31,62	47,76
5	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	25,30	29,63	18,8 	26,09
6	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	30,12	39,26	21,37 	26,10
7	Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	25,30	30,37	15,38 	19,01
8	Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa (% đồng ý)	57,14	65,95	22,22 	30,57
9	Các nguồn lực kinh tế chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh (% đồng ý)	44,44	52,60	69,84 	65,32
10	Ưu đãi cho doanh nghiệp lớn là cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp nhỏ (% đồng ý)	53,06	61,11	60,61	60,66

2.2.7 Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp và lao động

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp và lao động trong PCI 2025 là sự kết hợp hai chỉ số thành phần thuộc PCI 2024 được đo tương đối tách biệt, đó là Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đo lường hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động đo lường chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp và lao động của Đà Nẵng năm 2025 đạt 5,78 điểm, cao hơn trung vị của 34 địa phương là 5,43 điểm, tương ứng xếp thứ 9/34 địa phương, so với trung vị Vùng là 5,59 điểm, tương ứng xếp thứ 4/8 địa phương thuộc Vùng, cho thấy nội dung này một số địa phương trong Vùng Duyên hải miền Trung có lợi thế so với mặt bằng chung cả nước.

Chỉ số này giữ lại 9 chỉ tiêu cũ trong PCI 2024, và bổ sung 8 chỉ tiêu mới.

So sánh kết quả các chỉ tiêu giữ nguyên:

- 06/9 chỉ tiêu giữ nguyên của Đà Nẵng năm 2025 có kết quả đánh giá của doanh nghiệp PCI 2025 cải thiện so với kết quả trong PCI 2 địa phương năm 2024.
- 01/9 chỉ tiêu bị giảm sút (**Điểm thi tốt nghiệp THPT bình quân của Đà Nẵng năm 2025 đạt 5,97 điểm, thấp hơn so với trung vị cả nước**)
- 02 chỉ tiêu có cải thiện so với Quảng Nam cũ, giảm sút so với Đà Nẵng năm 2024.

Đà Nẵng có kết quả của 5/8 chỉ tiêu mới được bổ sung năm 2025 hầu như thấp dưới trung vị cả nước. 2/8 chỉ tiêu có kết quả bằng mặt chung toàn quốc, và chỉ 1 chỉ tiêu của Đà Nẵng về Hỗ trợ tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có kết quả tương đối tích cực được đánh giá tốt hơn trung bình cả nước.

Đánh giá chung: So với Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024, thành phố Đà Nẵng có chuyển biến tích cực về chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chi phí tuyển dụng và đào tạo lao động, mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và sự phát triển của hệ sinh thái cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, các chỉ tiêu mới cho thấy độ bao phủ của chương trình hỗ trợ, mức độ thuận lợi của thủ tục thụ hưởng và hiệu quả hỗ trợ hội nhập quốc tế còn thấp hơn mặt bằng chung. Tỷ lệ lao động qua đào tạo cũng chưa duy trì được lợi thế của Đà Nẵng cũ.

Bảng 10: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị
1	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	4,39	7,96	5,15	2,79
2	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	97,61	99,17	99,63	98,25
3	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)	68,79	74,16	76,34	74,66
4	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)	64,54	61,58	70,54	61,57
5	Chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	11,58	10,23	3,00	5,63
6	Chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	11,76	11,19	5,00	10,0
7	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%)	25,50	49,70	39,05	24,8
8	Điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia	6,39	6,50	5,97	6,05
9	Lao động địa phương nhìn chung đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp (% đồng ý)	56,83	44,64	71,43	57,99
	Chỉ tiêu mới:				
10	Tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được trên tổng số các loại hỗ trợ được khảo sát (%)	-	-	58,47	67,81
11	Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh (điểm trung bình thang 1-5, điểm cao hơn = thuận lợi hơn)	-	-	2,54	2,82
12	Mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu	-	-	3,20	3,20

	doanh nghiệp (điểm trung bình thang 1-4, điểm cao hơn = tốt hơn)				
13	Tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế (% doanh nghiệp)	-	-	25,00	26,71
14	Các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu (% doanh nghiệp)	-	-	32,80	36,80
15	Nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (% doanh nghiệp)	-	-	6,47	4,84
16	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh (%)	-	-	2,88	3,78
17	Mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số (thang điểm 1-5, điểm cao = đáp ứng tốt hơn)	-	-	4,0	4,0

2.2.8 Chỉ số Thiết chế pháp lý

Năm 2025, thành phố Đà Nẵng đạt 7,82 điểm, cao hơn trung vị của 34 địa phương là 7,29 điểm, tương ứng với vị thứ 6/34 địa phương cả nước, và tiếp tục dẫn đầu các địa phương thuộc Vùng duyên hải miền Trung.

Chỉ số Thiết chế pháp lý năm 2025 có 7 chỉ tiêu giữ nguyên/tương đương với trong PCI 2024, bổ sung 4 chỉ tiêu mới, đã có sự tinh gọn so với PCI 2024 sử dụng 19 chỉ tiêu.

So sánh các chỉ tiêu giữ nguyên:

- Có 3/7 chỉ tiêu của Đà Nẵng năm 2025 được đánh giá cải thiện hơn so với kết quả của 2 địa phương năm 2024

- 1/7 chỉ tiêu là giảm sút hoàn toàn so với Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024

- 2 chỉ tiêu có cải thiện so với Đà Nẵng trước đây, song so với Quảng Nam 2024 thì thấp hơn. Ngược lại, có 1 chỉ tiêu cải thiện so với Quảng Nam 2024 nhưng giảm sút so với thành phố Đà Nẵng 2024.

Đối với các chỉ tiêu mới, có thể thấy Đà Nẵng năm 2025 có Mức độ sử dụng tòa án trên thực tế thấp hơn trung vị, Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải, trọng tài cũng thấp hơn trung vị. Ngược lại, chỉ tiêu về Khả năng bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp của hệ thống pháp luật tại địa phương được đánh giá tích cực.

Đánh giá chung: So với Đà Nẵng cũ và Quảng Nam cũ năm 2024, môi trường an ninh, trật tự, các vụ việc kinh tế đảm bảo đúng pháp luật và tốc độ xét xử có chuyển biến tích cực. Hệ thống pháp luật và hoạt động trợ giúp pháp lý cũng được doanh nghiệp đánh giá tương đối cao. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án giảm đáng kể; số vụ tranh chấp được đưa ra tòa thấp hơn trung vị, trong khi hiệu quả thi hành án và việc sử dụng hòa giải, trọng tài.

Bảng 11: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị
1	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tốt (% đồng ý)	79,45	72,16	87,97 	83,13
2	Tỷ lệ doanh nghiệp báo cáo bị trộm cắp hay đột nhập (%)	10,27	3,98	4,48	7,07
3	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp kinh tế (%).	53,85	59,54	37,12 	22,01
4	Tòa án xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý)	94,16	87,35	96,12 	93,48
5	Tòa án xét xử các vụ việc kinh tế nhanh chóng (% đồng ý)	89,86	83,33	91,47 	88,72
6	Việc thi hành các bản án kinh tế có hiệu lực của tòa án diễn ra nhanh chóng, hiệu quả (% đồng ý)	89,13	81,66	84,80	85,49
7	Cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ DN hiệu quả (% đồng ý)	91,24	83,33	90,40	87,83
	Chỉ tiêu mới:				
8	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải, trọng tài (%)	-	-	59,72	60,61
9	Hệ thống pháp luật tại địa phương bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp trong các tranh chấp kinh doanh (% đồng ý)	-	-	93,80	92,21
10	Các phán quyết của tòa án là công bằng, khách quan và có thể dự báo được (% đồng ý)	-	-	91,20	91,29
11	Số vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 1.000 doanh nghiệp	-	-	1,36	1,61

2.2.9 Chỉ số Chính quyền kiến tạo

Chỉ số Chính quyền kiến tạo đo lường mức độ chủ động, linh hoạt và nhất quán của chính quyền địa phương trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, tháo gỡ khó khăn và thực hiện các cam kết cải cách đối với khu vực tư nhân. Năm 2025, Chỉ số Chính quyền kiến tạo thành phố Đà Nẵng đạt 5,61 điểm, cao hơn trung vị của 34 địa phương là 5,46 điểm, xếp thứ 13/34 địa phương.

Chỉ số chính quyền kiến tạo năm 2025 có bảy chỉ tiêu tương đồng trực tiếp giữa PCI 2024 và PCI 2025, phần lớn là chuyển đổi từ chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương. Có 1 chỉ tiêu mới được bổ sung.

Đối với các chỉ tiêu giữ nguyên, năm 2025 kết quả cho thấy 2/7 chỉ tiêu có cải thiện tích cực so với 2 địa phương cũ năm 2024. 4/7 chỉ tiêu có kết quả cảm nhận của doanh nghiệp đều suy giảm so với năm 2024. 1 chỉ tiêu có cải thiện so với Quảng Nam năm 2024, song giảm mạnh so với Đà Nẵng cũ năm 2024.

Khả quan khi có 64,18% doanh nghiệp nhận thấy thái độ của chính quyền thành phố đối với khu vực tư nhân là tích cực. Có 67,16% doanh nghiệp cho rằng chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định và nhất quán, cho thấy doanh nghiệp đánh giá khá tốt định hướng chính sách chung của thành phố.

Song, chỉ 51,9% doanh nghiệp khảo sát tại Đà Nẵng tin lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh, giảm so với năm 2024, và thấp hơn đáng kể trung vị cả nước 63,7% năm nay.

Hơn nữa, 66,92% doanh nghiệp đồng ý rằng Các xã, phường không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo thành phố, cao hơn trung vị cả nước là 62,4%. 70,0 % doanh nghiệp đồng ý rằng Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo thành phố, cho thấy thực trạng quan ngại về giữa chủ trương của lãnh đạo và thực thi của sở, ngành và địa phương.

Đánh giá chung: Doanh nghiệp qua khảo sát PCI tại Đà Nẵng đánh giá tương đối tích cực về thái độ, sự linh hoạt, tính năng động và mức độ ổn định chính sách của thành phố; song niềm tin vào việc lãnh đạo thực hiện cam kết cải cách và tính nhất quán trong triển khai của sở, ngành, xã, phường được cảm nhận còn hạn chế.

Bảng 12: Các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần Chính quyền kiến tạo

Nguồn: Dữ liệu PCI 2025, VCCI

TT	Nội dung/chỉ tiêu	Quảng Nam 2024	Đà Nẵng 2024	2025	Trung vị
1	Thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực (% đồng ý)	54,79	60,11	64,18 	59,01
2	UBND thành phố linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% đồng ý)	77,55	82,78	68,15 	64,27
3	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% đồng ý)	63,27	76,67	65,93	61,77
4	Chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp là ổn định và nhất quán (% đồng ý)	55,24	35,09	67,16 	60,3
5	Tin tưởng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh (%)	70,83	67,44	51,94 	63,66
6	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại (% đồng ý)	71,43	73,51	67,69 	62,73
7	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo thành phố (% đồng ý)	35,37	34,44	70,00 	61,62
	Chỉ tiêu mới:				
8	Các xã, phường không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo thành phố (% đồng ý)			66,92	62,4

2.3 Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân – BPI của Đà Nẵng

Báo cáo PCI 2025 giới thiệu chỉ số BPI với vai trò bổ trợ, mở rộng khung phân tích từ việc đánh giá thuần túy chất lượng môi trường kinh doanh (đầu vào thể chế) sang việc định lượng kết quả hoạt động thực tiễn (đầu ra thị trường). Theo VCCI, BPI không thay thế và không được tính vào điểm PCI tổng hợp, mà bổ trợ cho PCI bằng cách chuyển trọng tâm từ đánh giá *đầu vào thể chế, môi trường kinh doanh* sang đo lường *kết quả hoạt động thực tế của khu vực tư nhân* tại địa phương.

BPI 2025 gồm 23 chỉ tiêu được nhóm thành hai chiều cạnh: “Sự phát triển của khu vực tư nhân” tập trung vào các kết quả vận hành kinh doanh cốt lõi như quy mô doanh nghiệp, khả năng duy trì hoạt động, tăng trưởng doanh thu và hiệu quả sinh lời;⁵ và “Đổi mới sáng tạo” phản ánh những khía cạnh năng lực công nghệ, đầu tư đổi mới và liên kết chuỗi của doanh nghiệp tư nhân⁶.

VCCI công bố kết quả chỉ số Hiệu quả kinh tế tư nhân - BPI của Đà Nẵng đạt 3,93 điểm, trong đó chiều cạnh phát triển khu vực tư nhân đạt 4,80 điểm và chiều cạnh đổi mới sáng tạo chỉ đạt 3,07 điểm, so với mức BPI tổng hợp của cả nước dao động từ 3,26 đến 5,67 điểm, với trung vị 4,20 điểm.

Bảng 14: Kết quả chỉ số BPI Đà Nẵng – năm 2025

Thước đo	Đà Nẵng	Trung vị	Hạng/34 tỉnh thành	Nhận định
Sự phát triển của KVTN	4,80	4,46	11/34	Trên trung vị
Đổi mới sáng tạo	3,07	4,17	30/34	Điểm yếu nổi bật
BPI tổng hợp	3,93	4,20	25/34	Dưới trung bình cả nước

Nguồn: Báo cáo kinh tế tư nhân và Dữ liệu PCI 2025, VCCI

Kết quả cho thấy khoảng cách điểm số giữa hai chiều cạnh của thành phố lên tới 1,73 điểm, kéo điểm tổng hợp BPI xuống dưới trung vị cả nước.

* Chiều cạnh “Sự phát triển của khu vực tư nhân”, Đà Nẵng thuộc nhóm dẫn đầu về ba chỉ tiêu phản ánh quy mô nền doanh nghiệp, cụ thể:

- 2,10 doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân, đứng thứ 4/34 toàn quốc;

- 11,84 doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân, đứng thứ 3;

⁵ 13 chỉ tiêu về mật độ doanh nghiệp, khả năng duy trì hoạt động, doanh thu, việc làm, lợi nhuận, triển vọng mở rộng và hộ kinh doanh: trong đó 11 chỉ tiêu từ dữ liệu thống kê, 02 chỉ tiêu từ kết quả khảo sát PCI 2025.

⁶ 10 chỉ tiêu về thực hành xanh, hỗ trợ công nghệ sạch, nhân sự R&D, chỉ tiêu đổi mới, cải tiến quy trình, ứng dụng số, liên kết chuỗi và sáng chế: trong đó 01 chỉ tiêu từ dữ liệu thống kê, 09 chỉ tiêu từ khảo sát PCI 2025.

- 82,62% doanh nghiệp thuộc diện đang hoạt động, đứng thứ 5.

Có thể thấy: Mật độ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thuộc loại cao; Khả năng duy trì trạng thái hoạt động của doanh nghiệp tốt hơn mặt bằng chung cả nước; có hệ sinh thái đô thị, dịch vụ và thương mại đủ lớn để hình thành một cộng đồng doanh nghiệp tương đối dày. Bên cạnh đó, tăng trưởng lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đạt 5,94%, cao hơn trung vị cả nước 3,50 điểm phần trăm và đứng thứ 7/34 tỉnh, thành.

Tuy vậy, một số chỉ tiêu khác của thành phố có kết quả tương đối thấp, cụ thể:

- Tăng trưởng số doanh nghiệp đang hoạt động (dữ liệu thống kê) lại ở mức -0,91%, đứng thứ 33/34; Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới cũng chỉ đạt 17,77%, thấp hơn trung vị cả nước gần 5,84 điểm phần trăm. Từ đó cho thấy số doanh nghiệp đang hoạt động trên dân số cao, song số doanh nghiệp mới và tăng trưởng số doanh nghiệp đang hoạt động thấp, tăng trưởng rỗng của cộng đồng doanh nghiệp có dấu hiệu đang chậm lại.

- Tăng trưởng doanh thu của khu vực doanh nghiệp (dữ liệu thống kê) đạt -9,87%, thấp nhất trong 34 địa phương và thấp hơn trung vị cả nước khoảng 11,31 điểm phần trăm.

- Doanh thu trên lao động (dữ liệu thống kê) đạt 1,26, đứng thứ 31/34 và thấp hơn cả trung vị vùng lẫn trung vị cả nước

- Tỷ lệ doanh nghiệp báo lãi (khảo sát PCI 2025) đạt 56,93%, thấp hơn trung vị cả nước 3,50 điểm phần trăm. Tỷ lệ dự kiến mở rộng trong hai năm tới (khảo sát PCI 2025) đạt 28,47%, thấp hơn trung vị 3,10 điểm phần trăm.

* Đối với chiều cạnh Đổi mới sáng tạo, mặt bằng đổi mới sáng tạo còn thấp ở hầu hết địa phương trong nước. Đối với Đà Nẵng, 7/10 chỉ tiêu phản ánh chiều cạnh này thấp hơn trung vị cả nước. Một số chỉ tiêu phản ánh trực tiếp năng lực đổi mới của doanh nghiệp qua khảo sát cho thấy kết quả là:

- Chỉ 2,88% doanh nghiệp có nhân sự chuyên trách về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (so với 4,97% trung vị cả nước);

- Chỉ 2,88% dành tối thiểu 3% doanh thu cho đổi mới và chuyển đổi số (so với 3,11% trung vị cả nước);

- Bình quân mỗi doanh nghiệp chỉ thực hiện 0,239 cải tiến quy trình kinh doanh.

- Điểm sử dụng giải pháp số bình quân của Đà Nẵng chỉ đạt 1,151 trên thang từ 1 đến 4, đứng thứ 30/34 và thấp nhất trong tám địa phương vùng Duyên hải miền Trung

- 16,67% doanh nghiệp cho biết nhận được hỗ trợ từ tỉnh cho công nghệ sạch, rất thấp so với trung vị cả nước là 35,01%.

Theo số liệu thống kê thì Đà Nẵng đạt 1,57 đơn sáng chế và giải pháp hữu ích trên 1.000 doanh nghiệp, cao hơn gấp hơn hai lần trung vị cả nước và đứng thứ 7/34, cho thấy Sáng chế là điểm tích cực, cần thúc đẩy hiệu quả lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp.

Chỉ số Hiệu quả kinh tế tư nhân của thành phố Đà Nẵng năm 2025 đạt 3,93 điểm, thấp hơn trung vị cả nước và đứng thứ 25/34 địa phương. Kết quả có sự chênh lệch lớn giữa hai chiều cạnh cấu thành: chiều cạnh Sự phát triển của khu vực tư nhân đạt 4,80 điểm, đứng thứ 11, trong khi chiều cạnh Đổi mới sáng tạo chỉ đạt 3,07 điểm, đứng thứ 30. Qua đó có thể thấy, thành phố có cộng đồng doanh nghiệp đảm bảo số lượng và mật độ hoạt động cao, nhưng chưa chuyển hóa đầy đủ lợi thế phát triển thành tăng trưởng doanh thu, năng suất, năng lực hấp thụ, đầu tư và thực hành đổi mới sáng tạo của số đông doanh nghiệp tư nhân địa phương còn hạn chế. Hoạt động đổi mới sáng tạo chưa trở thành một hoạt động thường xuyên, được tổ chức hóa và có ngân sách ổn định trong phần lớn doanh nghiệp được nghiên cứu. Có thể thấy, thành phố đã tạo được “cửa vào” tương đối thuận lợi và hình thành một nền doanh nghiệp có mật độ cao, nhưng quá trình doanh nghiệp lớn lên, tăng doanh thu, nâng năng suất, đầu tư đổi mới và tham gia chuỗi giá trị còn chưa tương xứng.

2.4 Đánh giá chung

Kết quả PCI năm 2025 cho thấy thành phố Đà Nẵng tiếp tục có nhiều lợi thế về chất lượng điều hành kinh tế, trong đó chỉ số Gia nhập thị trường đứng đầu cả nước; các chỉ số Tính minh bạch, Cạnh tranh bình đẳng, Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và Thiết chế pháp lý thuộc nhóm địa phương có kết quả tốt. VCCI nhận định điểm mạnh của Đà Nẵng, vì vậy, nằm ở toàn bộ chuỗi tương tác đầu tiên giữa doanh nghiệp và chính quyền: từ khâu gia nhập thị trường, tiếp cận thông tin cho đến chất lượng xử lý thủ tục và mức độ tin cậy của thể chế thực thi.

Tuy nhiên, một số chỉ số như Tiếp cận nguồn lực, Chi phí không chính thức và Chính quyền kiến tạo mới chỉ đạt mức trung bình hoặc chưa tạo được khoảng cách đáng kể so với mặt bằng chung; hiệu quả thực chất của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo của khu vực kinh tế tư nhân còn hạn chế. Thành phố có lợi thế trong thúc đẩy số hóa, làm cho khả năng tiếp cận văn bản pháp luật được nhanh chóng, kịp thời. Tuy nhiên, việc tiếp cận thông tin ở giai đoạn sớm, khi chính sách còn đang được xây dựng, dường như chưa được hiệu quả, làm giảm khả năng tham gia góp ý cũng như chuẩn bị của doanh nghiệp trước các thay đổi chính sách, từ đó doanh nghiệp phản ánh khả năng dự liệu thay đổi chính sách của thành phố chưa cao. Đồng thời, vai trò của các hội, hiệp hội doanh

nghiệp cần được tăng cường hơn trong thúc đẩy kênh thông tin chính sách một cách chính thức đến cộng đồng doanh nghiệp.

Từ dữ liệu khảo sát còn cho thấy hiệu quả khâu thực thi của bộ máy chính quyền ở cấp sở, ngành và phường xã cần được nâng cao hơn. Doanh nghiệp thành phố kỳ vọng những các quy định rõ ràng, ổn định, được thực thi nhất quán và có thể dự đoán trước.

Kết hợp với chỉ số BPI đo lường kết quả hoạt động thực tế của khu vực tư nhân trên địa bàn thành phố cho thấy khu vực tư nhân thành phố phát triển tương đối tốt về mật độ và khả năng duy trì hoạt động, nhưng vẫn thiên về doanh nghiệp quy mô nhỏ, dịch vụ, với năng lực R&D, đầu tư công nghệ, cải tiến quy trình, chuyển đổi số sâu và liên kết chuỗi còn thấp. Thành phố cần chuyển hóa được lợi thế về môi trường hành chính và mật độ doanh nghiệp phát triển thành năng suất, tăng trưởng doanh thu và năng lực đổi mới sáng tạo. Trọng tâm chính sách thời gian tới cần chuyển từ hỗ trợ doanh nghiệp gia nhập thị trường sang hỗ trợ doanh nghiệp nâng quy mô, năng suất, năng lực công nghệ, khả năng liên kết chuỗi và sức cạnh tranh dài hạn cho doanh nghiệp tư nhân thành phố.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRONG NĂM 2025

Trên cơ sở các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể nhằm cải thiện chỉ số PCI và PGI tại Công văn số 3860/UBND-STC ngày 14/11/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng; tính đến thời điểm báo cáo, đã nhận được phản hồi từ 19 cơ quan, đơn vị⁷ có liên quan về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Theo đó, kết quả thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn thành phố năm 2025 đối với từng chỉ số thành phần đạt được kết quả khích lệ như sau:

3.1 Kết quả đạt được

3.1.1 Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường

Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tuyến đạt mức cao; các đơn vị tập trung nâng cao năng lực và tinh thần trách nhiệm của cán bộ tại bộ phận Một cửa nhằm hạn chế tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần.

⁷ Các đơn vị: Thanh tra thành phố; Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai, Bảo hiểm xã hội thành phố, Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 9, Phường Bàn Thạch, Phường Hội An, Phường Ngũ Hành Sơn, Xã Tây Giang.

Dù đối mặt với áp lực từ hệ thống luật mới, chỉ số này vẫn ghi nhận những con số thống kê ấn tượng nhờ cải cách quy trình:

- Hiệu suất xử lý hồ sơ: Phòng DN&ĐKKD (Sở Tài chính) đã xử lý tổng cộng 53.619 hồ sơ trong năm 2025, cấp mới giấy chứng nhận cho 6.009 doanh nghiệp. Việc duy trì thời gian giải quyết hồ sơ thành lập mới không quá 03 ngày là nỗ lực rất lớn trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính.

- Hệ sinh thái hỗ trợ trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các địa phương đạt mức rất cao, như Phường Hội An đạt 99,65% và Phường Ngũ Hành Sơn đạt 94,96%. Việc niêm yết công khai 100% TTHC và biểu mẫu tại bộ phận Một cửa đã giúp doanh nghiệp giảm thiểu việc phải bổ sung hồ sơ nhiều lần.

3.1.2 Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Năm 2025, các sở, ban, ngành và địa phương đã có những bước tiến đáng kể trong việc chuẩn hóa và công khai hóa dữ liệu, tài liệu phục vụ cộng đồng doanh nghiệp. Các đơn vị đã đảm bảo công khai 100% thủ tục hành chính (TTHC) và chính sách hiện hành trên các Trang thông tin điện tử và tại Trung tâm phục vụ Hành chính công. Công tác đấu thầu được thực hiện nghiêm túc qua mạng, đảm bảo tính công khai và cạnh tranh bình đẳng. Cụ thể:

Công khai thông tin trên các nền tảng số và mạng xã hội: Các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc việc đăng tải 100% văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch và chính sách ưu đãi đầu tư lên Cổng thông tin điện tử. Điểm mới của năm 2025 là việc mở rộng các kênh tiếp cận phi truyền thống như nhóm Zalo khu công nghiệp của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai để cập nhật tức thời các thay đổi về chính sách cho nhà đầu tư. Sở Dân tộc và Tôn giáo cũng đảm bảo các chính sách hỗ trợ đối tượng thụ hưởng đặc thù luôn "dễ nhìn, dễ thấy, dễ tra cứu" tại các điểm dịch vụ công.

Minh bạch hóa hoạt động đấu thầu và mua sắm công: Công tác đấu thầu được kiểm soát chặt chẽ thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các đơn vị như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã triển khai 100% gói thầu bắt buộc qua mạng, đảm bảo tính cạnh tranh và bình đẳng tuyệt đối giữa các thành phần kinh tế. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp (DSEZA) thực hiện công khai chi tiết quy trình từ khâu chuẩn bị hồ sơ đến kết quả cuối cùng, giúp doanh nghiệp có cơ sở giám sát quá trình thực thi công vụ.

Nâng cao trách nhiệm giải trình và phản hồi thông tin: Các cơ quan đã chủ động rút ngắn thời gian xử lý yêu cầu cung cấp thông tin của doanh nghiệp. DSEZA cam kết trả lời bằng văn bản đối với mọi yêu cầu và chủ động thông tin về lộ trình xử lý nếu hồ sơ có tính chất phức tạp. Sở Giáo dục và Đào tạo cùng Sở Y tế thường xuyên tự kiểm tra nội bộ để ngăn chặn hành vi lợi dụng "mối quan hệ"

hoặc "trung gian" trong việc cung cấp thông tin, đảm bảo mọi doanh nghiệp đều được tiếp cận dữ liệu một cách công bằng.

Công khai quy hoạch và tài liệu pháp lý tại cấp cơ sở: Tại cấp phường, công tác minh bạch được đẩy mạnh thông qua việc niêm yết công khai 100% quy hoạch đất đai và các dự án đầu tư công. Phường Hội An đã số hóa 100% hồ sơ đầu vào và duy trì các bản tin định kỳ trên đài truyền thanh và trang thông tin điện tử để doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các biến động của địa phương. Phường Ngũ Hành Sơn cũng quán triệt việc cung cấp thông tin nhanh chóng, không gây khó khăn để doanh nghiệp dễ dàng lập kế hoạch kinh doanh.

Thông tin về hội nhập và hỗ trợ đầu tư: Sở Công Thương đã tập trung cung cấp các dữ liệu về Hiệp định Thương mại tự do (FTA) và danh mục các lĩnh vực được Quỹ Đầu tư phát triển thành phố hỗ trợ vay vốn giai đoạn 2026-2030. Điều này giúp doanh nghiệp không chỉ tiếp cận thông tin trong nước mà còn nắm bắt các cơ hội xuất nhập khẩu và ưu đãi tín dụng xanh trong xu thế mới.

Nhìn chung, Năm 2025, tính minh bạch không chỉ dừng lại ở việc "có thông tin" mà đã chuyển sang giai đoạn "thông tin hữu ích và chủ động". Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và nâng cao đạo đức công vụ của người đứng đầu các đơn vị đã góp phần củng cố niềm tin, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các mối quan hệ không chính thức để tiếp cận nguồn lực của thành phố. Tuy nhiên, tại một số đơn vị sáp nhập, hệ thống phần mềm chưa liên thông hoàn toàn vẫn là rào cản kỹ thuật cần được khắc phục để đảm bảo sự minh bạch xuyên suốt.

3.1.3. Chỉ số Chi phí thời gian để thực hiện các quy định Nhà nước

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình chiến lược của thành phố Đà Nẵng trong nỗ lực tối ưu hóa Chỉ số Chi phí thời gian. Bám sát trọng tâm của chủ đề năm: “*Năm thành phố tập trung sắp xếp tinh gọn bộ máy gắn với cắt giảm thủ tục hành chính*”, hệ thống chính quyền đã tái định vị phương pháp tiếp cận, chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy thụ động "giải quyết theo quy định" sang tinh thần "phục vụ chủ động". Thành phố đã kiến tạo môi trường kinh doanh thông thoáng thông qua hai trụ cột: (1) Số hóa toàn diện: Đạt tỷ lệ 90-99% và phổ cập Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, rút ngắn tối đa thời gian xử lý hồ sơ; (2) Giảm thiểu rào cản: Cắt giảm triệt để các hoạt động thanh tra, kiểm tra chồng chéo. Sự cộng hưởng của các giải pháp này đã giúp cộng đồng doanh nghiệp cắt giảm được đáng kể gánh nặng chi phí tuân thủ, từ đó giải phóng và tái phân bổ các nguồn lực để tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Cụ thể, các đơn vị, sở ban ngành đã thực thi những cơ chế như sau:

- *Đột phá trong mô hình "Chính quyền số" và Dịch vụ công trực tuyến:*

+ Tại cấp cơ sở, Phường Hội An ghi nhận tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 99,65%, với 100% hồ sơ đầu vào được số hóa. Phường Ngũ Hành Sơn cũng đạt tỷ lệ hồ sơ

trực tuyến 94,96%, trong đó nhiều lĩnh vực trọng điểm như Giao thông vận tải, Thuế và Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% đúng hạn và trực tuyến.

+ Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp (DSEZA) đã áp dụng quy định nghiêm ngặt: tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trong vòng 4 giờ làm việc kể từ khi doanh nghiệp nộp, không để xảy ra tình trạng trễ hạn tiếp nhận.

- *Rút ngắn lộ trình giải quyết TTHC và giảm thiểu "hậu kiểm" phiền hà:*

+ Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh (Phòng DN&ĐKKD) đã thực hiện giải quyết hồ sơ thành lập mới không quá 03 ngày, thủ tục tạm ngừng kinh doanh không quá 01 ngày.

+ Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai triển khai Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 về phê duyệt quy trình nội bộ sửa đổi, tập trung vào phối hợp liên thông để hạn chế tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần.

+ Đặc biệt, Sở Xây dựng đã thí điểm các dịch vụ hành chính công chủ động, tự động thông báo gia hạn giấy phép kinh doanh vận tải và chủ động kết nối các dịch vụ điện, nước sau khi cấp phép xây dựng, giúp doanh nghiệp tiết kiệm tối đa thời gian chờ đợi.

- *Tối ưu hóa hoạt động Thanh tra, Kiểm tra:*

+ Thanh tra thành phố đã chủ trì rà soát, điều chỉnh kế hoạch để giảm các cuộc thanh tra chưa thực sự cần thiết, đặc biệt là trong công tác thanh tra thuế.

+ Phương thức hoạt động thanh tra dần chuyển từ "theo vụ việc" sang thanh tra có trọng tâm dựa trên phân tích rủi ro và ứng dụng CNTT, giúp doanh nghiệp có ý thức tuân thủ tốt không phải tiếp đón các đoàn thanh tra định kỳ quá dày đặc.

- *Trách nhiệm người đứng đầu và tinh thần phục vụ:* Hiệu quả của chỉ số chi phí thời gian gắn liền với đạo đức công vụ và năng lực giải trình của cán bộ.

+ Lãnh đạo các đơn vị như BHXH thành phố, Sở Y tế và Phường Ngũ Hành Sơn đã thực hiện nghiêm việc tự kiểm tra nội bộ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi lợi dụng chức vụ để gây phiền hà, những nhiều làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ

+ DSEZA và các đơn vị kiên quyết xử lý công chức để xảy ra chậm muộn hồ sơ, thực hiện nghiêm việc báo cáo giải trình và xin lỗi doanh nghiệp khi có sai sót về thời gian.

3.1.4. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Năm 2025, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng tại Đà Nẵng đã có những bước chuyển biến thực chất, không còn dừng lại ở các cam kết chung chung mà được cụ thể hóa bằng các quy tắc ứng xử công vụ và quy trình hành chính minh bạch. Mục tiêu trọng tâm là xóa bỏ rào cản giữa các thành phần kinh tế, đảm bảo doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) không bị lép vế trước các tập đoàn lớn trong việc tiếp cận nguồn lực.

- Xóa bỏ đặc quyền và tư duy "biệt đãi": Các đơn vị chủ chốt đã quán triệt sâu sắc việc không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp (DSEZA) đã nghiêm cấm mọi hành vi ưu ái doanh nghiệp lớn, đảm bảo DNNVV tiếp cận nguồn lực công bằng. Sở Y tế và Phường Bàn Thạch cũng thực hiện nghiêm nguyên tắc bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và hộ kinh doanh trong việc tiếp cận thông tin và giải quyết thủ tục hành chính.

- Minh bạch hóa đấu thầu bằng công nghệ số: Đây là giải pháp kỹ thuật then chốt để đảm bảo tính công bằng. Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng DSEZA đã triển khai 100% gói thầu bắt buộc qua mạng. Việc công khai chi tiết quy trình từ khâu chuẩn bị hồ sơ đến kết quả cuối cùng đã triệt tiêu các "vùng xám", giúp mọi nhà thầu có năng lực đều có cơ hội tiếp cận bình đẳng.

- Đơn giản hóa thủ tục để hỗ trợ doanh nghiệp yếu thế: Doanh nghiệp nhỏ thường gặp khó khăn về chi phí tuân thủ. Năm 2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã kiến nghị bãi bỏ 45% các loại giấy phép kinh doanh thuộc thẩm quyền, giúp giảm 30,25% chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Phường Ngũ Hành Sơn cũng chủ động phối hợp để doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực đất đai và công nghệ thông qua việc đơn giản hóa quy trình xác nhận.

- Công khai quỹ đất sạch: Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai đã thực hiện công khai diện tích đất trống và quỹ đất sẵn sàng cho thuê, giúp nhà đầu tư mới tiếp cận dữ liệu trực tiếp mà không cần qua các mối quan hệ trung gian.

3.1.5. Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự

Công tác bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp và duy trì an ninh trật tự trong năm 2025 được củng cố thông qua sự phối hợp liên ngành và nâng cao trách nhiệm giải trình:

Chủ động hoàn thiện hệ thống pháp luật: Các sở chuyên ngành không chỉ thực thi mà còn tích cực đóng góp xây dựng chính sách. Sở Y tế và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ động phối hợp với các cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát) để rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực bản quyền và thực thi hợp đồng. Phường Ngũ Hành Sơn cũng tham gia tích cực vào việc góp ý hoàn thiện hệ thống pháp luật theo yêu cầu của thành phố.

Nâng cao hiệu quả theo dõi thi hành pháp luật: DSEZA đã ban hành Kế hoạch 392/KH-BQL để rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời phân công công chức chuyên trách theo dõi sát sao tình hình thi hành pháp luật tại đơn vị. Điều này giúp kịp thời phát hiện những quy định chồng chéo hoặc thiếu khả thi để kiến nghị sửa đổi.

Kiểm soát tiêu cực trong thực thi công vụ: Thanh tra thành phố đã lồng ghép nội dung chấp hành pháp luật vào các cuộc thanh tra trách nhiệm và thanh tra hành

chính. Đáng chú ý, các đơn vị như DSEZA và Phường Hội An ghi nhận không có vụ việc tham nhũng, tiêu cực hay đơn thư khiếu nại về hành vi nhũng nhiễu của cán bộ trong năm 2025.

Hỗ trợ an ninh tại các khu sản xuất: Công tác bảo đảm an ninh trật tự được lồng ghép chặt chẽ với quy hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng. Sự phối hợp giữa lực lượng công an và các Ban quản lý đã tạo ra môi trường an toàn cho các hoạt động đầu tư lâu dài.

Trách nhiệm giải trình và hỗ trợ pháp lý: Các đơn vị như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã kịp thời phản hồi các yêu cầu từ cơ quan thi hành án dân sự, đảm bảo phán quyết của tòa án được thực thi nghiêm minh. Hệ thống Tổng đài 1022 và Cổng góp ý tiếp tục là kênh hiệu quả để doanh nghiệp phản ánh các bất cập về pháp lý

3.1.6. Chỉ số Chi phí không chính thức

Công tác phòng, chống tham nhũng và đạo đức công vụ được quán triệt mạnh mẽ; lãnh đạo các đơn vị thường xuyên tự kiểm tra để phát hiện và xử lý nghiêm hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà. Năm 2025, Đà Nẵng đã triển khai các giải pháp "mạnh tay" để siết chặt kỷ cương, chuyển từ trạng thái phòng ngừa sang chủ động giám sát và triệt tiêu các điều kiện phát sinh tham nhũng vặt:

- Trách nhiệm nêu gương và tự kiểm tra: Người đứng đầu tại các đơn vị như BHXH thành phố, Sở VH-TT-DL và Sở Y tế đã thực hiện nghiêm việc tự kiểm tra nội bộ, gắn trách nhiệm cá nhân nếu để xảy ra sai phạm. Điển hình như tại Phường Hội An, việc quán triệt tinh thần "đồng hành cùng doanh nghiệp" đã giúp địa phương này không ghi nhận đơn thư khiếu nại nào về hành vi nhũng nhiễu trong suốt năm 2025.

- Số hóa để minh bạch: Việc đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình (đặc biệt tại DSEZA với 100% thủ tục) đã trực tiếp hạn chế sự tiếp xúc không cần thiết giữa cán bộ và doanh nghiệp, từ đó giảm thiểu cơ hội vòi vĩnh chi phí "bôi trơn".

- Hiệu quả thanh tra: Thanh tra thành phố đã thực hiện tốt Chỉ thị số 10/CT-TTg, tập trung xử lý dứt điểm các hành vi gây phiền hà, giúp doanh nghiệp yên tâm thực hiện các quy định nhà nước mà không phải đối mặt với gánh nặng chi phí phi chính thức.

3.1.7. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo thành phố

Ban Quản lý và các Sở, ngành đã chủ động phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp thông qua các chương trình đối thoại trực tiếp và các kênh thông tin liên lạc như Tổng đài 1022. Sự năng động của bộ máy chính quyền năm 2025 được thể hiện qua tính "chủ động đối thoại" và "quyết liệt tháo gỡ" các nút thắt pháp lý mới:

- Đối thoại thực chất: Các chương trình như “Cùng doanh nghiệp bút phá” của DSEZA hay các diễn đàn đối thoại của Sở VH-TT-DL không chỉ là nơi lắng nghe mà đã trở thành kênh tiếp nhận thông tin để tham mưu chính sách ưu đãi mới.

- Phản ứng nhanh với thay đổi pháp lý: Khi Luật Doanh nghiệp 2025 được ban hành, lãnh đạo Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh đã chỉ đạo cán bộ chủ động trao đổi, giải trình trực tiếp qua điện thoại và đường dây nóng 1022 để hướng dẫn doanh nghiệp cập nhật biểu mẫu mới, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm khi quy định thay đổi.

- Sát cánh cùng doanh nghiệp cơ sở: Lãnh đạo các địa phương như Phường Ngũ Hành Sơn và Phường Hội An duy trì lịch tiếp dân định kỳ, sẵn sàng đối thoại với cả các hộ kinh doanh cá thể để tháo gỡ khó khăn tại chỗ.

3.1.8. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Các chương trình hỗ trợ tiếp cận tín dụng, đào tạo lao động và ứng dụng công nghệ được triển khai đồng bộ. Đặc biệt là các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn

Công tác hỗ trợ năm 2025 đã đi vào chiều sâu, tập trung vào ba trụ cột: Tài chính, Công nghệ và Hội nhập:

- Khơi thông nguồn vốn: Ngân hàng Nhà nước KV9 đã triển khai mạnh mẽ chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, đưa tổng dư nợ tín dụng tăng 24,98% so với cuối năm 2024. Đặc biệt là các gói tín dụng ưu đãi cho nhà ở xã hội và lĩnh vực xanh.

- Hỗ trợ hội nhập và công nghệ: Sở Công Thương đã tổ chức 07 đoàn doanh nghiệp khảo sát thị trường nước ngoài và hỗ trợ 12 đề án ứng dụng máy móc tiên tiến, giúp kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 9,7%.

- Đào tạo và khởi nghiệp: Sở Giáo dục và Đào tạo đã lồng ghép hiệu quả giáo dục hướng nghiệp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ 39 lao động diện chính sách học nghề để cung ứng nguồn lực chất lượng cho thị trường.

3.1.9. Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được tập trung chỉ đạo; thông tin về quỹ đất và quy hoạch được công khai minh bạch để tạo điều kiện cho các dự án sớm triển khai. Đây là mảng công việc phức tạp nhưng đã có những chuyển biến quan trọng về tính minh bạch dữ liệu:

- Công khai quỹ đất: Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thực hiện công khai thông tin diện tích đất trống và quỹ đất sẵn sàng cho thuê, đồng thời đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng đẩy nhanh tiến độ theo quy hoạch.

- Đẩy mạnh giải phóng mặt bằng: Thành phố đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, hoàn thành bàn giao 162,5 ha đất cho các nhà đầu tư tại các KCN Nam Thăng Bình, Thaco và Tam Anh – An An Hòa.

- Dịch vụ công chủ động về đất đai: Sở Xây dựng triển khai mô hình chủ động kết nối các dịch vụ điện, nước, viễn thông ngay sau khi cấp phép xây dựng, giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian chuẩn bị hạ tầng sản xuất.

3.2 Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân

- Một khó khăn nổi lên trong các báo cáo năm 2025 là khối lượng nhiệm vụ tăng nhanh trong khi con người, thiết bị và hệ thống dữ liệu chưa hoàn toàn đồng bộ.

- Báo cáo có nhận định vẫn còn tình trạng một bộ phận cán bộ làm việc cầm chừng, né tránh hoặc chưa chủ động giải quyết hồ sơ khó; như trong lĩnh vực đất đai, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số khu công nghiệp còn kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân được nêu gồm vướng mắc về cơ chế, chính sách, nguồn lực thực hiện và sự phối hợp giữa các cơ quan, địa phương.

- Hệ thống công nghệ thông tin được tiếp nhận từ các đơn vị cũ, một số thiết bị đã xuống cấp và phần mềm chưa liên thông. Khối lượng công việc tăng, địa bàn quản lý rộng hơn, nhưng nguồn lực con người và tài chính chưa tương xứng với nhiệm vụ được phân cấp. Áp lực nhu cầu lớn về đào tạo lại cán bộ, chuẩn hóa quy trình và đầu tư hạ tầng công nghệ.

- Việc xử lý triệt để các điểm nóng ô nhiễm tại khu dân cư, khu công nghiệp đòi hỏi nguồn lực lớn và sự phối hợp phức tạp; vận động doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất xanh cũng gặp khó khăn do chi phí đầu tư ban đầu cao

- Nhiều thủ tục đầu tư liên quan đồng thời đến đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, quy hoạch và tài chính. Mặc dù đã có sự tăng cường phối hợp, nhưng việc phối hợp trên thực tế vẫn chưa hoàn toàn thông suốt, đảm bảo hiệu quả

Một số nguyên nhân của hạn chế, khó khăn trên:

- Hồ sơ đất đai phức tạp, khối lượng lớn; Đất đai là lĩnh vực “nhạy cảm”, một số đơn vị phản ánh cán bộ chưa chủ động xử lý các hồ sơ/vướng mắc khó, một bộ phận cán bộ còn né tránh, dùn dẩy, làm việc cầm chừng...

- Khó phát hiện, xác minh và xử lý hành vi nhũng nhiễu/chi phí không chính thức.

- Địa bàn sau hợp nhất rộng, khối lượng công việc tăng nhưng nhân lực, tài chính chưa tương xứng với nhiệm vụ được phân cấp. Nguồn lực tài chính và hạ tầng chưa đáp ứng đầy đủ. Một số địa phương có địa bàn rộng, khối lượng hồ sơ

lớn nhưng biên chế, thiết bị và kinh phí chưa tương xứng; hệ thống công nghệ cũ chưa được kết nối hoàn chỉnh.

- Ý thức và kỹ năng của một bộ phận người dân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp ở một số địa bàn chưa đồng đều.

IV. GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI, MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục duy trì và phát huy các kết quả tích cực, đồng thời khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được cộng đồng doanh nghiệp phản ánh, các sở, ban, ngành, đơn vị và chính quyền địa phương cần nghiêm túc nghiên cứu kết quả từng chỉ tiêu thành phần thuộc lĩnh vực quản lý; xác định được nguyên nhân chủ quan, khách quan và tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố.

Trên cơ sở phân tích kết quả, tình hình, Báo cáo đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp đối với từng chỉ số thành phần thuộc PCI như sau:

4.1 Gia nhập thị trường

Nhằm duy trì vị trí dẫn đầu và tiếp tục cải thiện những mặt còn dư địa cải cách thông qua phản ánh của doanh nghiệp, như về việc tình trạng phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký từ hai lần trở lên cũng như tỷ lệ đánh giá hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp rõ ràng, đầy đủ chưa cao, thành phố cần đặt mục tiêu không những “xử lý nhanh” mà còn “hồ sơ đúng ngay từ lần đầu”, đơn giản hóa các lĩnh vực có nhiều vướng mắc, bất cập, lĩnh vực có tỷ lệ yêu cầu bổ sung hồ sơ cao.

Các sở, ban, ngành và UBND xã phường theo chức năng, nhiệm vụ không ngừng nâng cao năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và cán bộ, công chức, viên chức thực hiện các thủ tục cấp phép kinh doanh, cấp phép kinh doanh có điều kiện.

- Khâu hướng dẫn được chuẩn hóa, đầy đủ, rõ ràng; yêu cầu bổ sung đầy đủ một lần, yêu cầu bổ sung hồ sơ phải ghi rõ căn cứ pháp lý và nội dung cần hoàn thiện, tránh việc doanh nghiệp chưa hiểu, phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần, gia tăng chi phí và thời gian, ảnh hưởng kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thống kê nguyên nhân hồ sơ phải bổ sung từ hai lần trở lên theo từng thủ tục, đơn vị và cán bộ xử lý

- Duy trì ký số, trả kết quả điện tử và tăng cường hiệu quả triển khai dịch vụ hành chính công chủ động

Các Sở: Sở Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ... tiếp tục rà soát các khâu trong giải quyết thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hơn nữa cho doanh nghiệp.

4.2 Tiếp cận nguồn lực

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, tín dụng, lao động, hạ tầng và dữ liệu phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh

Về tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai và UBND các xã, phường xây dựng hệ thống thông tin thống nhất về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất sạch, tình trạng pháp lý của các khu đất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và tiến độ giải phóng mặt bằng; tạo điều kiện để doanh nghiệp có thể dễ dàng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin

Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn trong giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng và hoàn thiện thủ tục các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; công khai diện tích đất có thể cho thuê, giá thuê, hạ tầng kỹ thuật, ngành nghề thu hút và thời điểm có thể tiếp nhận dự án

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; tăng cường kiểm tra tiến độ xử lý hồ sơ, xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm đối với những hồ sơ kéo dài hơn thời hạn quy định. Kiên quyết chấn chỉnh, xử lý các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thiếu trách nhiệm, hướng dẫn không đầy đủ hoặc để hồ sơ chậm hạn mà không có lý do chính đáng.

Về tiếp cận nguồn vốn

Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9 chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các tổ chức tín dụng, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố, hiệp hội doanh

ngiệp và các đơn vị liên quan tổ chức thường xuyên chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; chuyển từ hình thức cung cấp thông tin chung sang xem xét, hỗ trợ theo nhu cầu và hồ sơ vay vốn cụ thể của doanh nghiệp.

Các tổ chức tín dụng tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm tín dụng phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường cho vay trên cơ sở dòng tiền, hợp đồng, đơn hàng, phương án sản xuất, kinh doanh và chuỗi cung ứng; phát triển tín dụng xanh, tín dụng đổi mới sáng tạo và các sản phẩm tài chính phục vụ chuyển đổi số.

Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường phổ biến chính sách hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng và các chương trình tài chính của Trung ương, thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện phương án kinh doanh, báo cáo tài chính và hồ sơ vay vốn

Nhằm gỡ nút thắt kén vốn và đất đai là khó khăn đi đôi mà doanh nghiệp thường gặp phải, thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước (đang thụ lý hồ sơ dự án), ngân hàng thương mại (có sự điều phối của Ngân hàng nhà nước) và doanh nghiệp (chủ dự án) để có thể tài trợ vốn cho dự án khi đảm bảo tất cả các điều kiện, chỉ cần chờ vốn vay để hoạt động.

Với các dự án tồn đọng giá trị lớn, xác định rõ đầu mối, thời hạn và trách nhiệm giải quyết theo từng nhóm vướng mắc, nhằm tháo gỡ

Về nguồn lực lao động và dữ liệu số

Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan triển khai hướng nghiệp, phân luồng sau tốt nghiệp THPT, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; nghiên cứu định hướng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các Trường Cao đẳng, Trung cấp công lập, các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các doanh nghiệp đẩy mạnh liên kết đào tạo, chuyển giao chương trình, giáo trình đào tạo giữa các trường đại học với các trường cao đẳng nghề và giữa các doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành công nghiệp mũi nhọn của thành phố.

Không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học của cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội phù hợp với bối cảnh hiện nay; Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực cho khu vực tư tại một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn của thành phố Đà Nẵng.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, hoàn thiện các nền tảng dữ liệu mở, đặc biệt ngành tài nguyên môi trường được ưu tiên nguồn lực số hóa, làm sạch và liên thông cơ sở dữ liệu đất đai, đặt mục tiêu tiến độ cụ thể cho tỷ lệ thừa đất đạt chuẩn "đúng, đủ, sạch, sống".

4.3 Tính minh bạch

Các nội dung thuộc chỉ số thành phần Tính minh bạch trong PCI 2025 đã được điều chỉnh tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật Trung ương, nổi bật là Luật Tiếp cận thông tin, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy hoạch, đất đai, đấu thầu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dữ liệu số và thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa. Vì vậy, trọng tâm cải thiện của thành phố không chủ yếu là ban hành thêm quy định, mà là nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện. Thành phố cần bảo đảm thông tin được công bố đầy đủ, đúng thời hạn, dễ tìm kiếm, có thể khai thác và tái sử dụng; dự thảo chính sách được gửi đến doanh nghiệp đủ sớm; ý kiến góp ý được tiếp thu, giải trình; kiến nghị được xử lý đến kết quả cuối cùng và mọi doanh nghiệp được tiếp cận thông tin bình đẳng, không phụ thuộc vào quan hệ cá nhân. Cụ thể:

Đảm bảo tiếp cận và công khai thông tin của cơ quan nhà nước. Các cơ quan, đơn vị thực thi nghiêm quy định về cung cấp thông tin theo yêu cầu của doanh nghiệp; xác định rõ đầu mối, thời hạn và trách nhiệm phản hồi; xử lý nghiêm các hành vi gây khó khăn hoặc yêu cầu doanh nghiệp phải có “mối quan hệ” mới được tiếp cận tài liệu, thông tin thuộc diện công khai.

Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các địa phương phường, xã không chỉ có trách nhiệm công bố quyết định phê duyệt quy hoạch, mà còn phải bảo đảm doanh nghiệp có thể tiếp cận các bản đồ, phụ lục, chỉ tiêu sử dụng đất, danh mục dự án và nội dung điều chỉnh quy hoạch một cách thuận lợi.

Công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử của thành phố và của mỗi đơn vị sở, ban, ngành và UBND xã phường và dữ liệu đảm bảo “độ mở” tức là không chỉ có đăng tải thông tin, mà còn bao gồm khả năng tìm kiếm, tải xuống, sử dụng lại, cập nhật và kết nối dữ liệu.

Công khai, minh bạch trong đấu thầu. Các sở, ban, ngành và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm việc công khai quy trình đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chí đánh giá, kết quả lựa chọn nhà thầu và kết quả giải quyết kiến nghị; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu, hạn chế rủi ro thiếu minh bạch hoặc hạn chế cạnh tranh.

Công khai dự thảo, tham vấn và khả năng dự liệu chính sách. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan soạn thảo văn bản nâng cao chất lượng tham vấn chính sách; công khai sớm dự thảo văn bản có tác động đến doanh nghiệp; tăng thời gian và đa dạng hình thức lấy ý kiến. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần công khai nội dung tiếp thu, giải trình và thời gian dự kiến ban hành, thực hiện chính sách để doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh. Chủ động gửi dự thảo, tổ chức tham vấn thực chất và phản hồi ý kiến của các hội, hiệp hội doanh nghiệp của thành phố.

4.4 Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra thành phố, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; bảo đảm việc cải cách được thực hiện thực chất và đồng đều trên toàn địa bàn thành phố.

Trung tâm Phục vụ hành chính công phối hợp với các sở, ngành chuẩn hóa quy trình, thành phần hồ sơ, biểu mẫu và nội dung hướng dẫn; thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, luân chuyển và trả kết quả đúng hạn; công khai tình trạng xử lý hồ sơ và nguyên nhân đối với trường hợp chậm giải quyết.

Thanh tra thành phố chủ trì, các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tăng cường phối hợp, chia sẻ dữ liệu và điều phối kế hoạch thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan nhằm hạn chế thanh kiểm tra lặp lại, trùng lặp nội dung, giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chưa thực sự cần thiết, nhất là tại các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, nhằm giảm thời gian chi phí cho doanh nghiệp.

Đồng thời, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện, kịp thời chấn chỉnh tình trạng né tránh, đùn đẩy, yêu cầu bổ sung hồ sơ không cần thiết hoặc kéo dài thời gian xử lý công việc của doanh nghiệp; ngăn chặn và xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm liên quan đến cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp.

4.5 Chi phí không chính thức

Người đứng đầu của mỗi cơ quan, đơn vị sở, ban, ngành và UBND phường, xã phải gương mẫu, thường xuyên tự kiểm tra, chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm, nêu cao trách nhiệm và đạo đức công vụ trong tổ chức, đơn vị.

Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Công an thành phố, Sở Tài chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường triển khai đồng bộ, quyết liệt, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; thực hiện việc tiếp nhận, xử lý nghiêm các trường hợp nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Sở Nội vụ tăng cường kiểm tra công vụ, chấn chỉnh tinh thần và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; phê bình, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm hoặc có hành vi nhũng nhiễu.

Tăng cường phổ biến ứng dụng Góp ý, Tổng đài 1022 để doanh nghiệp có thể nhanh chóng gửi phản ánh, kiến nghị trong những trường hợp bị cán bộ, công chức

cổ tình làm trái, gây bất lợi khi giải quyết công vụ. Đảm bảo kênh tiếp nhận phản ánh bảo mật; tạo điều kiện để doanh nghiệp phản ánh và kiến nghị mà không lo sợ bị gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh cũng như giao dịch hành chính tiếp theo.

Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có hoạt động đấu thầu, mua sắm công tăng cường kiểm soát toàn bộ quy trình nhằm rà soát các dấu hiệu hạn chế cạnh tranh, tiêu chí có tính định hướng, tình trạng nhà thầu lặp lại hoặc kết quả lựa chọn có tỷ lệ tiết kiệm thấp; xử lý nghiêm hành vi thông đồng, can thiệp hoặc gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Các cơ quan báo chí, truyền thông, VCCI, hội và hiệp hội doanh nghiệp tiếp tục tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, không chủ động hoặc chấp nhận đưa các khoản chi ngoài quy định; phối hợp cung cấp thông tin và giám sát việc xử lý các phản ánh của doanh nghiệp.

Có thể nói việc ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi này vẫn có những khó khăn, hạn chế nhất định. Do đó, các cơ quan Báo Đà Nẵng, Đài phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Cổng thông tin điện tử thành phố, Tổng đài 1022, các tổ chức Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, Liên Đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung - Tây Nguyên và các đơn vị liên quan cần chung tay để góp phần hạn chế việc cộng đồng doanh nghiệp về việc chi các khoản chi phí không chính thức, “hoa hồng” để thực hiện các quy định của nhà nước trong hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của mình.

4.6 Cạnh tranh bình đẳng

Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan cần tiếp tục quán triệt quan điểm về cạnh tranh bình đẳng, đảm bảo tính minh bạch và công bằng, cụ thể: thực hiện công khai đầy đủ tiêu chí và quy trình để doanh nghiệp tiếp cận đất đai, mặt bằng, vốn, hạ tầng, công nghệ, ưu đãi, chính sách hỗ trợ, hợp đồng với cơ quan nhà nước và các cơ hội đầu tư, kinh doanh. Mọi tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ hoặc tiếp cận nguồn lực phải được công bố trước khi tiếp nhận hồ sơ, có căn cứ rõ ràng và được áp dụng thống nhất.

Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành rà soát các chương trình ưu đãi, hỗ trợ và điều kiện tiếp cận nguồn lực; kịp thời đề xuất sửa đổi những quy định có thể tạo lợi thế không hợp lý cho doanh nghiệp lớn hoặc làm hạn chế khả năng tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và Đài phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng, Cổng thông tin điện tử thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, Liên Đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung - Tây Nguyên và các cơ quan liên quan tiếp nhận, phân loại và xử lý phản ánh về cạnh tranh không bình đẳng trong tiếp cận đất đai, thủ tục hành

chính, thông tin, ưu đãi, hợp đồng nhà nước và giải quyết khó khăn của doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường đẩy mạnh thu hút đầu tư (kể cả trong và ngoài khu công nghiệp), tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp năm 2026.

4.7 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Kết quả chỉ số thành phần về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thuộc PCI cũng như chỉ số BPI năm 2025 của thành phố Đà Nẵng đều cho thấy thực tế cho thấy doanh nghiệp tư nhân Đà Nẵng còn gặp nhiều khó khăn trong mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, khả năng chống chịu trước biến động của thị trường; tỷ lệ doanh nghiệp có lãi và triển vọng mở rộng đều thấp hơn mặt bằng chung...

Nghị quyết 68-NQ/TW đã nhấn mạnh vai trò của việc tăng cường liên kết, kết nối giữa các doanh nghiệp như một giải pháp trọng tâm để mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, cần tập trung triển khai có hiệu quả hơn nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển các chuỗi liên kết ngành, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng, trong đó doanh nghiệp lớn đóng vai trò dẫn dắt, kết nối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ và kết nối thị trường được xác định là công cụ quan trọng để giúp doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào các mạng lưới sản xuất và thương mại trong nước và quốc tế. Bên cạnh các nỗ lực kết nối trong nước, việc tận dụng các cơ hội từ hội nhập quốc tế cũng là một kênh quan trọng để doanh nghiệp mở rộng thị trường. Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng và đa dạng hóa thị trường trong bối cảnh hội nhập sâu rộng tất yếu hiện nay.

Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan chủ trì đối với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cần chủ động tiếp tục tăng cường phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp nhằm gia tăng sự tiếp cận chính sách của doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế thực sự của việc thực thi chính sách.

Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp luật; tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường; tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động.

Nhằm Đánh giá được tác động tích cực của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của thành phố, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở

Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9, DSEZA, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai và các đơn vị liên quan rà soát toàn bộ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đang triển khai trên địa bàn; đánh giá cụ thể mức độ tiếp cận, tính thuận lợi của thủ tục và hiệu quả đầu ra mang lại cho đối tượng hưởng lợi chính sách, từ đó đề xuất giải pháp khắc phục nếu tác động, hiệu quả chính sách mang lại hạn chế. Căn cứ một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số Hiệu quả kinh tế tư nhân như: tỷ lệ DN có R&D, tỷ lệ DN chi cho đổi mới, DN áp dụng công nghệ số sâu, số DN có sản phẩm/quy trình mới, doanh thu từ sản phẩm mới, số DN hợp tác với trường–viện, số DN trở thành nhà cung cấp FDI và tỷ lệ DN địa phương nhận được hỗ trợ công nghệ để đo lường được hiệu quả thực sự của cơ chế, chính sách của thành phố.

Sở Công Thương chủ trì cải thiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các FTA nhưng cần chuyển mạnh sang tư vấn theo sản phẩm, ngành hàng và thị trường cụ thể; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phòng vệ thương mại, thương mại điện tử xuyên biên giới và kết nối nhà nhập khẩu. - Xúc tiến, hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân nội địa tham gia chuỗi giá trị của các dự án vi mạch, bán dẫn, công nghệ cao đang triển khai trên địa bàn.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nghiên cứu và phát triển, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; Bố trí nguồn vốn mỗi từ ngân sách qua các quỹ hỗ trợ khoa học công nghệ, giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin công nghệ, thị trường và phát triển nhân lực chuyên môn R&D, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nghiên cứu áp dụng công cụ voucher tư vấn, voucher công nghệ và đồng tài trợ dự án đổi mới sáng tạo có vốn đối ứng của doanh nghiệp.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp rà soát nhu cầu nhân lực theo từng ngành, nghề; phát triển chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng; tăng thời lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; ưu tiên kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng số, ngoại ngữ và kỹ năng quản lý.

Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp cần chuyển từ đánh giá theo số hội nghị, lớp tập huấn hoặc số lượt tham dự sang đánh giá bằng số doanh nghiệp thực sự thụ hưởng được từ chính sách, số hợp đồng được ký kết, vốn được huy động, công nghệ được áp dụng, lao động được tuyển dụng và doanh thu hoặc năng suất tăng thêm...

4.8 Thiết chế pháp lý

Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Công an thành phố, Cục Thi hành án dân sự thành phố, Thanh tra thành phố và các đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm cải thiện niềm tin và khả năng sử dụng các thiết chế pháp lý của doanh nghiệp.

Sở Tư pháp tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp với các tổ chức trọng tài và hòa giải thương mại tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế; phát triển mạng lưới hòa giải viên thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp với quy mô, tính chất và giá trị vụ việc.

Tòa án nhân dân thành phố có giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng tòa án các cấp của thành phố, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp kinh tế cũng như khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tích cực hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lập thủ tục, hồ sơ khiếu nại, đề nghị giải quyết tranh chấp.

Công an thành phố tiếp tục triển khai các biện pháp phòng ngừa, tăng cường đấu tranh với các loại tội phạm xâm phạm tài sản và hoạt động sản xuất, kinh doanh; chú trọng bảo đảm an ninh, trật tự tại khu công nghiệp, khu kinh tế, chợ, khu du lịch và các địa bàn tập trung đông doanh nghiệp, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự, không để phát sinh vấn đề phức tạp.

Cục Thi hành án dân sự thành phố cần quan tâm cải thiện hơn nữa công tác giải quyết hồ sơ thi hành án nhằm thi hành nhanh chóng các phán quyết của tòa án.

4.9 Chính quyền kiến tạo

Đà Nẵng không thiếu định hướng đúng và cũng không thiếu quyết tâm ở cấp lãnh đạo thành phố. Thách thức cốt lõi hiện nay nằm ở tính nhất quán, khả năng dự báo và chất lượng thực thi ở cấp sở ban ngành và địa phương, cơ sở. vai trò của chính quyền địa phương trong việc chủ động truyền tải thông tin và tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp trở nên đặc biệt quan trọng, khi dữ liệu PCI toàn quốc cho thấy mối tương quan thuận chiều rõ rệt giữa mức độ năng động của chính quyền tỉnh và khả năng tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường cần tiếp tục thể hiện thái độ tích cực đối với khu vực kinh tế tư nhân thông qua các hành động cụ thể; định kỳ tổ chức đối thoại chuyên đề đối với các lĩnh vực còn nhiều vướng mắc, và doanh nghiệp phản ánh còn nhiều phiền hà; Lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND xã phường căn cứ đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ để ra quyết định giải quyết vụ việc, xử lý kiến nghị, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp kịp thời, báo cáo kết quả cho lãnh đạo UBND thành phố.

Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường sự minh bạch và công khai trong việc ban hành và thực hiện các chính sách, chủ trương nhằm đảm bảo các chủ trương, chính sách của thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán. Chủ động rà soát, thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định có liên quan đến doanh nghiệp của thành phố; trường hợp có nội dung chưa rõ hoặc vượt thẩm quyền phải kịp thời tổng hợp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, không để doanh nghiệp phải chờ đợi kéo dài.

Văn phòng UBND thành phố chủ trì, tiếp tục tăng cường theo dõi việc thực hiện các kết luận, cam kết và chỉ đạo của lãnh đạo thành phố đối với doanh nghiệp. Kết quả thực hiện cần được cập nhật, báo cáo thường xuyên; những nội dung chậm hoặc chưa thực hiện phải xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả PCI 2025, thành phố cần phân công trách nhiệm cải thiện từng chỉ số thành phần theo hướng rõ đầu mối, rõ nhiệm vụ, rõ sản phẩm, rõ thời hạn và rõ trách nhiệm người đứng đầu. Sở Tài chính được đề xuất làm cơ quan thường trực tổng hợp; các sở, ngành chịu trách nhiệm trực tiếp đối với nhóm chỉ tiêu thuộc chức năng quản lý. Trọng tâm cải thiện trong giai đoạn tới là nâng cao năng lực kiến tạo và tính thống nhất trong thực thi, khơi thông đất đai, tín dụng và dữ liệu, kiểm soát chi phí không chính thức, đồng thời nâng độ bao phủ và hiệu quả đầu ra của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp. Đối với các chỉ số đang thuộc nhóm dẫn đầu, thành phố cần tiếp tục duy trì lợi thế nhưng phải xử lý các điểm nghẽn ở cấp chỉ tiêu, nhất là tình trạng bổ sung hồ sơ nhiều lần, chất lượng phản hồi kiến nghị, trùng lặp thanh tra và khả năng sử dụng các thiết chế giải quyết tranh chấp.

Kiến nghị UBND thành phố nghiên cứu thành lập hoặc kiện toàn tổ công tác liên ngành để xử lý những dự án vướng mắc, tồn đọng, vấn đề mới phát sinh, chưa có tiền lệ hoặc liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan cho doanh nghiệp; hạn chế tình trạng các đơn vị chờ ý kiến, né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm.